

Số: 426 /KH-UBND

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 07/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên thực hiện các nghị quyết, quy định, kết luận Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV

Thực hiện Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 07/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên thực hiện các nghị quyết, quy định, kết luận Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV¹ (sau đây viết tắt là Chương trình hành động số 33-CTr/TU); Chương trình hành động số 14-CTr/ĐU ngày 12/8/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nghị quyết, quy định, kết luận Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV (sau đây viết tắt là Chương trình hành động số 14-CTr/ĐU); Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thuộc trách nhiệm của chính quyền địa phương tại Chương trình hành động số 33-CTr/TU và Chương trình hành động số 14-CTr/ĐU thành các nhiệm vụ cụ thể của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động của các cơ quan hành chính nhà nước, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh về các chủ trương, định hướng lớn được Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV thông qua.

- Làm căn cứ để các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng kế hoạch, chương trình công tác tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao và để Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện.

¹Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 28/7/2026 về xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển; Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 28/7/2026 về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam; Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/7/2026 về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh; Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 28/7/2026 về quan điểm, định hướng sửa đổi Luật Đất đai và các luật có liên quan; Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 28/7/2026 về Chiến lược An ninh quốc gia; Kết luận số 75-KL/TW, ngày 28/7/2026 về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới; Kết luận số 76-KL/TW, ngày 28/7/2026 về tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; Quy định số 207-QĐ/TW, ngày 26/7/2026 về những điều đảng viên không được làm; Quy định số 208-QĐ/TW, ngày 26/7/2026 về thi hành Điều lệ Đảng.

2. Yêu cầu

- Bám sát các nghị quyết, quy định, kết luận Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, Chương trình hành động số 33-CTr/TU và Chương trình hành động số 14-CTr/ĐU; bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, liên thông giữa chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy với tổ chức thực hiện của chính quyền địa phương.

- Phân công nhiệm vụ theo nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả”; xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, sản phẩm và thời gian hoàn thành; bảo đảm khả thi, đúng thẩm quyền, không trùng lặp, chồng chéo, không bỏ sót nhiệm vụ.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách.

- Bố trí, lồng ghép nguồn lực phù hợp với từng nhiệm vụ, tránh dàn trải, lãng phí; tăng cường kiểm tra, đôn đốc; kết quả thực hiện được đánh giá hằng quý, hằng năm và là một trong những căn cứ để đánh giá, xếp loại cơ quan, đơn vị và người đứng đầu.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát

Đổi mới mô hình phát triển của tỉnh trên nền quản trị hiện đại, chuyển mạnh từ mô hình quản lý sang mô hình quản trị, kiến tạo và phục vụ; lấy con người là trung tâm, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh là động lực chủ yếu; xây dựng tỉnh Thái Nguyên kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển; bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; tăng cường bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực đất đai; hoàn thiện, vận hành thông suốt, hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2. Chỉ tiêu chủ yếu

Tổ chức thực hiện đạt và vượt hệ thống 42 chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 thuộc 05 nhóm lĩnh vực: thể chế và hoàn thiện hệ thống chính trị; kinh tế; xã hội; văn hóa, con người; môi trường sinh thái

(Hệ thống chỉ tiêu chi tiết tại Phụ lục 1; chỉ tiêu, nhiệm vụ, sản phẩm và lộ trình cụ thể thực hiện từng nghị quyết, quy định, kết luận chi tiết tại các Phụ lục 2, 3, 4, 5, 6 và 7 kèm theo Kế hoạch này).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện các nghị quyết, quy định, kết luận của Trung ương và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng những nội dung cơ bản, cốt lõi, điểm mới của các nghị quyết, quy định, kết luận Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, Chương trình hành động số 33-CTr/TU, Chương trình hành động số 14-CTr/ĐU và Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp Nhân dân bằng nhiều hình thức linh hoạt, thiết thực, phù hợp với từng địa bàn, đối tượng; chú trọng làm rõ những nội dung liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở và nền tảng số; kịp thời biểu dương mô hình tốt, cách làm hay; chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin sai trái, xuyên tạc; tránh hình thức, bảo đảm “hiều đúng, làm đúng, thực hiện hiệu quả”.

- Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; đề nghị Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên phối hợp thực hiện.

- Thời gian thực hiện: Quý III năm 2026 và thường xuyên trong giai đoạn 2026 - 2030.

2. Đổi mới mô hình phát triển của tỉnh dựa trên nền quản trị hiện đại và mối quan hệ hài hòa, hiệu quả giữa Nhà nước, thị trường và xã hội

2.1. Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị địa phương

Rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách của tỉnh không còn phù hợp; đề xuất cấp có thẩm quyền tháo gỡ các quy định chồng chéo, mâu thuẫn. Đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, chi phí tuân thủ pháp luật; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực và kiểm soát quyền lực; hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được phân cấp. Cải thiện thực chất Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

- Cơ quan chủ trì: Các cơ quan, đơn vị đối với nội dung rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách của tỉnh không còn phù hợp và nội dung đẩy mạnh phân cấp, phân

quyền gắn với phân bổ nguồn lực, kiểm soát quyền lực, hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được phân cấp; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đối với nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; Sở Khoa học và Công nghệ đối với nội dung nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Sở Nội vụ đối với Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); Sở Tài chính đối với nội dung cắt giảm điều kiện kinh doanh, chi phí tuân thủ pháp luật và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

2.2. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cơ cấu lại nền kinh tế, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

Xây dựng, điều hành kịch bản tăng trưởng kinh tế hằng năm và giai đoạn 2026 - 2030; theo dõi, đánh giá định kỳ tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu, kịp thời tham mưu giải pháp điều hành. Tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước bảo đảm thu đúng, thu đủ, kịp thời; cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng tiết kiệm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển; bảo đảm bố trí tối thiểu 3% tổng chi ngân sách địa phương cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn; rà soát, hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030. Đẩy mạnh xúc tiến, thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp: Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường; đề nghị Thuế tỉnh Thái Nguyên, Thống kê tỉnh Thái Nguyên, Kho bạc Nhà nước Khu vực VII, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 5 phối hợp thực hiện.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

2.3. Phát triển công nghiệp, hạ tầng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp

Xây dựng kịch bản và giải pháp thúc đẩy tăng trưởng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP), giá trị sản xuất công nghiệp. Tham mưu quản lý, thành lập, mở rộng và phát triển hạ tầng các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh thu hút đầu tư thứ cấp vào các cụm công nghiệp. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ,

công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao; triển khai hiệu quả các chương trình khuyến công, tư vấn phát triển công nghiệp.

- Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

2.4. Phát triển thương mại, dịch vụ logistics, thương mại điện tử và xuất, nhập khẩu

Xây dựng và tổ chức thực hiện các chỉ tiêu về tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, xuất, nhập khẩu. Phát triển hạ tầng thương mại (chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, trung tâm logistics thương mại); phát triển thương mại điện tử, kinh tế số trong lĩnh vực công thương. Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, mở rộng thị trường xuất khẩu; quản lý cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, thúc đẩy hoạt động sản xuất, xuất, nhập khẩu.

- Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

2.5. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, hạ tầng số, dữ liệu số

Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII); phát triển doanh nghiệp công nghệ số, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký, khai thác, bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số dùng chung của tỉnh; hoàn thiện, kết nối, chia sẻ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành với cơ sở dữ liệu quốc gia; đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường; đề nghị Đại học Thái Nguyên phối hợp thực hiện.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

2.6. Phát triển giáo dục, đào tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; bảo đảm đủ trường, lớp, giáo viên, sách giáo khoa và thiết bị dạy học tối thiểu. Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng

đào tạo các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM); nâng tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin; đẩy mạnh đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động.

Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

- Cơ quan chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường; đề nghị Đại học Thái Nguyên phối hợp thực hiện.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

2.7. Nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân và chỉ số phát triển con người

Nâng cao chất lượng y tế dự phòng, y tế cơ sở; triển khai đầy đủ lộ trình khám sức khỏe định kỳ cho Nhân dân; phát triển kỹ thuật y tế chuyên sâu; mở rộng bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân. Triển khai, cập nhật, kết nối và khai thác dữ liệu sức khỏe cá nhân, sổ sức khỏe điện tử; nâng cao tuổi thọ trung bình và Chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Sở Y tế.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các xã, phường; đề nghị Bảo hiểm xã hội khu vực quản lý địa bàn tỉnh Thái Nguyên phối hợp thực hiện.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

2.8. Phát triển văn hóa, thể thao, du lịch và các ngành công nghiệp văn hóa

Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch; phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh; nâng cao chất lượng dịch vụ lưu trú, lữ hành; mở rộng thị trường khách du lịch trong nước và quốc tế. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa; nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

- Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

2.9. Phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật và nhà ở

Rà soát, hoàn thiện quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn; nâng cao chất lượng công tác quản lý đầu tư xây dựng; đẩy nhanh tiến độ các công trình hạ tầng kỹ thuật trọng điểm. Phát triển hệ thống đô thị theo hướng đồng bộ,

hiện đại, xanh, thông minh; nâng tỷ lệ đô thị hóa; phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân và người thu nhập thấp; bảo đảm cấp nước sạch và thoát nước tại khu vực đô thị.

- Cơ quan chủ trì: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

3. Xây dựng tỉnh Thái Nguyên “Kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển” trong thời kỳ mới

3.1. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, xây dựng văn hóa công vụ

Tổ chức thực hiện nghiêm quy chế làm việc, quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ; bảo đảm 100% cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm văn hóa công vụ. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ; xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp; kịp thời thay thế cán bộ né tránh, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm. Phấn đấu Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) đạt trên 95% vào năm 2030.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ đối với tổ chức thực hiện quy chế làm việc, quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ, kiểm tra công vụ và cải thiện Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); Thanh tra tỉnh đối với công tác thanh tra công vụ.

- Cơ quan phối hợp: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

3.2. Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, kéo giảm bền vững tội phạm và các rủi ro xã hội

Chủ động nắm, đánh giá, dự báo tình hình; triển khai đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và vi phạm pháp luật; phấn đấu hằng năm giảm ít nhất 10% số vụ phạm tội về trật tự xã hội; đến năm 2030 xây dựng tỉnh Thái Nguyên không có ma túy. Kiểm chế, kéo giảm tai nạn giao thông trên cả ba tiêu chí; tăng cường bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy, an toàn thực phẩm, an toàn lao động. Xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở vững mạnh; đổi mới nội dung, hình thức phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh; Sở Y tế đối với bảo đảm an toàn thực phẩm; Sở Nội vụ đối với bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

3.3. Bảo đảm an sinh xã hội, phát triển giáo dục, y tế, lao động, việc làm và giảm nghèo bền vững

Bảo đảm đủ trường, lớp, giáo viên, sách giáo khoa, thiết bị dạy học tối thiểu đáp ứng yêu cầu học tập của mọi lứa tuổi; phần đầu ít nhất 85% người trong độ tuổi hoàn thành chương trình trung học phổ thông và tương đương. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%; giữ tỷ lệ thất nghiệp chung và tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 3%; phần đầu trên 60% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội. Bảo đảm 100% người dân được khám sức khỏe hằng năm và đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách ưu đãi người có công, trợ giúp xã hội, bảo vệ, chăm sóc trẻ em; triển khai hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, giảm nghèo bền vững, thu hẹp chênh lệch thu nhập, phần đầu hệ số GINI dưới 0,38.

- Cơ quan chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo đối với lĩnh vực giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; Sở Nội vụ đối với lĩnh vực lao động, việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công; Sở Y tế đối với lĩnh vực y tế, bảo trợ xã hội, trẻ em; Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với lĩnh vực giảm nghèo bền vững và phát triển nông thôn.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các xã, phường; đề nghị Bảo hiểm xã hội khu vực quản lý địa bàn tỉnh Thái Nguyên phối hợp thực hiện.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

3.4. Xây dựng văn hóa, con người Thái Nguyên, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; phần đầu trên 95% hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”, trên 90% tổ dân phố, xóm đạt danh hiệu văn hóa, bảo đảm thực chất; 90% thiết chế văn hóa cơ sở hoạt động thường xuyên, hiệu quả. Xây dựng văn hóa số, văn hóa doanh nghiệp và văn hóa cộng đồng; phát huy vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống.

- Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan phối hợp: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân các xã, phường; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phối hợp thực hiện.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

3.5. Kiểm soát ô nhiễm môi trường và khắc phục tình trạng ngập úng tại các khu vực trung tâm

Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải, phần đầu 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đạt quy chuẩn về môi trường. Rà soát, đầu tư, nâng cấp hệ thống

thoát nước, xử lý nước thải đô thị; xử lý dứt điểm các điểm ngập úng cục bộ tại các khu vực trung tâm; cải tạo, chỉnh trang cảnh quan, không gian công cộng.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường; Sở Xây dựng đối với hệ thống thoát nước, xử lý nước thải đô thị và khắc phục ngập úng đô thị.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

4. Triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các giải pháp góp phần bảo đảm an ninh quốc gia, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ Nhân dân

4.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ an ninh mạng và các quy định của pháp luật về an ninh quốc gia cho cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên và Nhân dân. Thực hiện nghiêm công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; nâng cao ý thức cảnh giác, chủ động phát hiện, tố giác các hành vi xâm phạm an ninh quốc gia.

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

4.2. Bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh môi trường

Chủ động nắm tình hình, phòng ngừa, phát hiện, xử lý từ sớm, từ xa các nguy cơ, thách thức đối với an ninh kinh tế; phối hợp chặt chẽ trong thẩm định các dự án đầu tư có sử dụng đất, các dự án tại vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh và các dự án có yếu tố nước ngoài. Tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn các công trình năng lượng, công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước và các hạ tầng trọng yếu trên địa bàn.

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

4.3. Bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin

Tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quan trọng của các cơ quan nhà nước; thường xuyên rà soát, khắc phục lỗ hổng bảo mật; nâng cao năng lực giám sát, phòng ngừa, phát hiện, ứng cứu và xử lý sự cố. Bảo đảm an ninh đối với các thiết bị, sản phẩm công nghệ tiềm ẩn nguy cơ về an ninh; xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm an ninh con người, an ninh văn hóa trên không gian mạng.

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

4.4. Kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm an ninh cơ sở

Xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh trong quy hoạch, kế hoạch và các dự án đầu tư. Tăng cường bảo đảm an ninh tôn giáo, an ninh dân tộc, an ninh cơ sở theo phương châm “bốn tại chỗ”; giải quyết dứt điểm, ngay tại cơ sở các vụ tranh chấp, khiếu kiện, không để phát sinh điểm nóng.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đối với nhiệm vụ quốc phòng, khu vực phòng thủ; Công an tỉnh đối với nhiệm vụ bảo đảm an ninh cơ sở, an ninh tôn giáo, an ninh dân tộc.
- Cơ quan phối hợp: Sở Dân tộc và Tôn giáo, Thanh tra tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các xã, phường.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

5. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững

5.1. Đột phá về quản trị môi trường số, quản lý môi trường trên cơ sở dữ liệu và mức độ rủi ro

Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh thống nhất, đồng bộ, tích hợp với Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh và kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia, hoàn thành phiên bản đầu và đưa vào vận hành trong năm 2027, tiếp tục hoàn thiện trong giai đoạn 2028 - 2030; ứng dụng hệ thống thông tin địa lý, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo trong giám sát, dự báo, cảnh báo và hỗ trợ ra quyết định. Hoàn thành rà soát các cơ sở thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục trong năm 2026; bảo đảm 100% cơ sở thuộc đối tượng hoàn thành lắp đặt, kết nối và truyền dữ liệu ổn định về cơ quan quản lý trước năm 2030; kết hợp chặt

chế tiền kiểm đối với dự án có nguy cơ cao với hậu kiểm trên cơ sở mức độ tuân thủ và dữ liệu giám sát.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường.
- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030 (theo lộ trình cụ thể tại Phụ lục 4).

5.2. Đột phá về phát triển hạ tầng môi trường, xử lý các điểm nghẽn, điểm nóng về ô nhiễm

Bảo đảm 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có nước thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường; tối thiểu 70% nước thải đô thị loại I được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn; tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt 45%. Thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định tối thiểu 95% chất thải rắn sinh hoạt đô thị, trên 90% chất thải rắn sinh hoạt khu vực nông thôn, 100% chất thải y tế nguy hại và chất thải công nghiệp nguy hại; giảm tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp xuống dưới 30%. Kiểm soát chất lượng môi trường không khí, phấn đấu tỷ lệ số ngày trong năm có chỉ số chất lượng không khí ở mức tốt và trung bình đạt 80%.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với kiểm soát chất lượng môi trường không khí, tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông, chất thải công nghiệp nguy hại và nước thải khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nước thải đô thị loại I được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường đối với thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị, nông thôn; Sở Y tế đối với thu gom, xử lý chất thải y tế nguy hại.

- Cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

5.3. Đột phá về chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp

Hoàn thành kiểm kê khí nhà kính cấp tỉnh và kế hoạch giảm phát thải theo ngành, lĩnh vực; phấn đấu giảm phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường 9%; bảo đảm 100% cơ sở thuộc đối tượng kiểm kê khí nhà kính thực hiện đầy đủ nghĩa vụ. Phát triển kinh tế xanh đạt khoảng 10% GRDP; nâng tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt khoảng 5 - 10%; giảm tiêu hao năng lượng tính trên đơn vị GRDP từ 0,5 - 1%/năm; bảo đảm 100% doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; hình thành các công trình xây dựng xanh được chứng nhận. Duy trì tỷ lệ che phủ rừng từ 60% trở lên; phát triển nông nghiệp sinh thái, giảm phát thải.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với kiểm kê khí nhà kính, tín chỉ các-bon, lâm nghiệp, nông nghiệp giảm phát thải; Sở Công Thương đối với sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và phát triển năng lượng tái tạo; Sở Xây dựng đối với công trình xây dựng xanh.

- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

5.4. Chủ động phòng, chống thiên tai, bảo đảm an toàn công trình và ổn định đời sống Nhân dân

Bảo đảm 100% xã, phường xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã có sự tham gia của cộng đồng; các xã, phường có nguy cơ cao về lũ quét, sạt lở, ngập lụt có bản đồ rủi ro, phương án cảnh báo, sơ tán và bảo đảm sinh kế sau thiên tai. Phấn đấu 70% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn; 80% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất được di dời đến nơi an toàn. Rà soát, xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy trình vận hành, phương án ứng phó thiên tai và phương án bảo vệ đập, vùng hạ du đối với 100% hồ chứa nước thuộc diện phải xây dựng.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với công trình thủy lợi, đê điều, đập và hồ chứa thủy lợi, phòng, chống thiên tai; Sở Công Thương đối với đập và hồ chứa thủy điện; Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ trì xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã, phổ biến kiến thức, kỹ năng phòng tránh thiên tai cho người dân.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

5.5. Bảo đảm nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường

Bảo đảm bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho sự nghiệp bảo vệ môi trường; căn cứ khả năng cân đối ngân sách, phấn đấu duy trì mức bố trí từ 2 - 3% chi thường xuyên ngân sách địa phương cho bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm, đúng trọng tâm, hiệu quả. Đa dạng hóa nguồn lực, khuyến khích xã hội hóa đầu tư hạ tầng môi trường.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

6. Tăng cường công tác tuyên truyền biển, đảo; tích cực tham gia xây dựng hành lang kinh tế biển, liên kết, hợp tác với các địa phương có biển

6.1. *Đổi mới, nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục về biển, đảo*

Tổ chức tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên và Nhân dân về vị trí, vai trò của biển, đảo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phổ biến bản đồ Việt Nam, khẳng định chủ quyền biển, đảo; lồng ghép nội dung giáo dục về biển, đảo trong chương trình giảng dạy, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh. Chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin sai trái, xuyên tạc liên quan đến vấn đề biển, đảo.

- Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường; đề nghị Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên, Đại học Thái Nguyên phối hợp thực hiện.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

6.2. *Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc*

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách hậu phương quân đội, chính sách đối với quân nhân, gia đình quân nhân đang công tác tại các vùng biển, đảo; tổ chức các hoạt động thăm hỏi, động viên, hỗ trợ; đẩy mạnh phong trào “Cả nước chung sức vì biển, đảo quê hương”.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các xã, phường; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phối hợp thực hiện.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

6.3. *Tăng cường liên kết, hợp tác với các địa phương có biển; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm biển*

Chủ động liên kết, hợp tác với các địa phương có biển trong xúc tiến đầu tư, thương mại, dịch vụ, logistics, kết nối cung cầu hàng hóa; đưa sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP của tỉnh vào hệ thống phân phối tại các địa phương có biển và tiếp nhận sản phẩm biển bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm phục vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

6.4. Phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ kinh tế biển

Phát huy lợi thế của tỉnh về giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ để tham gia đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao và ứng dụng công nghệ phục vụ các ngành kinh tế biển thông qua liên kết, hợp tác với các địa phương có biển, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học và doanh nghiệp; khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn mở rộng liên kết đào tạo với các địa phương có biển, bảo đảm gắn với nhu cầu thực tế và phù hợp với năng lực đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Sở Tài chính; đề nghị Đại học Thái Nguyên phối hợp thực hiện.
- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

7. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất đai trong giai đoạn phát triển mới

7.1. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện pháp luật về đất đai

Rà soát toàn diện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách của tỉnh liên quan đến quản lý, sử dụng đất đai; kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi những nội dung không còn phù hợp. Chủ động tổng kết thực tiễn thi hành Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, mâu thuẫn, chồng chéo giữa pháp luật về đất đai với các luật có liên quan để kiến nghị cấp có thẩm quyền; nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý đất đai phù hợp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Thanh tra tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

7.2. Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tạo lập quỹ đất phục vụ phát triển

Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn. Quản lý chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất; ưu tiên bố trí quỹ đất phục vụ phát triển công nghiệp, đô thị, hạ tầng giao thông, giáo dục, y tế, khoa học và công nghệ và các

dự án trọng điểm. Tăng cường quản lý quỹ đất công; rà soát, xử lý các cơ sở nhà, đất sử dụng không hiệu quả; chủ động tạo lập quỹ đất sạch để thu hút đầu tư và tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

7.3. Nâng cao chất lượng công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Thực hiện nghiêm các quy định về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng thẩm quyền. Nâng cao chất lượng công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người có đất bị thu hồi và nhà đầu tư; chú trọng tạo sinh kế, việc làm, ổn định đời sống lâu dài cho người dân. Đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị, xây dựng các khu tái định cư; tăng cường đối thoại, công khai thông tin, giải quyết kịp thời kiến nghị, phản ánh của người dân.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

7.4. Đổi mới công tác xác định giá đất, phát triển quỹ đất và đấu giá quyền sử dụng đất

Nâng cao chất lượng công tác xây dựng bảng giá đất, xác định giá đất cụ thể theo nguyên tắc thị trường, khách quan, công khai, minh bạch; nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng thẩm định giá đất và các tổ chức tư vấn xác định giá đất. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu giá đất; mở rộng các hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất, bảo đảm cạnh tranh, công khai, minh bạch, phòng ngừa thất thoát, lãng phí tài sản công.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với công tác xây dựng bảng giá đất, xác định giá đất cụ thể; Sở Tài chính đối với nhiệm vụ cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định giá đất và quản lý nguồn thu từ đất.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các xã, phường; đề nghị Thuế tỉnh Thái Nguyên phối hợp thực hiện.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

7.5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai; tăng cường thanh tra, kiểm tra

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, dân cư, thuế và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tăng tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính về đất đai được tiếp nhận, giải quyết trên môi trường điện tử. Rà soát toàn bộ diện tích đất có nguồn gốc nông, lâm trường, đất có khoáng sản; rà soát các dự án được giao đất, cho thuê đất nhưng chậm đưa đất vào sử dụng, sử dụng không đúng mục đích hoặc có vi phạm; xử lý nghiêm theo quy định, kiên quyết thu hồi đối với trường hợp đủ điều kiện và công khai kết quả xử lý.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các xã, phường; đề nghị Thuế tỉnh Thái Nguyên phối hợp thực hiện.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

8. Tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

8.1. Rà soát, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; kiện toàn tổ chức bộ máy

Rà soát, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã; khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống nhiệm vụ. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, gắn với nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công. Rà soát, hoàn thiện quy chế làm việc, quy chế phối hợp phù hợp với mô hình tổ chức mới.

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ trì rà soát, đề xuất đối với cơ quan, đơn vị mình; Sở Nội vụ chủ trì thẩm định, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trong năm 2026; duy trì thực hiện thường xuyên trong giai đoạn 2026 - 2030.

8.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ

Hướng dẫn hoàn thiện vị trí việc làm, khung năng lực, tiêu chuẩn chức danh; đổi mới công tác tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được phân cấp; thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các xã, phường; đề nghị Trường Chính trị tỉnh phối hợp thực hiện.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

8.3. Bảo đảm các điều kiện về trụ sở, tài chính, tài sản công và hạ tầng số cho chính quyền địa phương 02 cấp

Rà soát, sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công dôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính, bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, không để lãng phí. Bảo đảm nguồn lực ngân sách và các điều kiện làm việc cần thiết cho hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp. Đầu tư, nâng cấp hạ tầng số, bảo đảm kết nối, liên thông dữ liệu giữa cấp tỉnh và cấp xã, bảo đảm an toàn thông tin.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính đối với ngân sách, tài sản công; Sở Xây dựng đối với trụ sở làm việc; Sở Khoa học và Công nghệ đối với hạ tầng số, dữ liệu số.
- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường.
- Thời gian thực hiện: Hoàn thành phương án xử lý trụ sở, tài sản công dôi dư trong năm 2026; duy trì thực hiện thường xuyên trong giai đoạn 2026 - 2030.

8.4. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp

Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh các cấp; thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính. Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính; công khai, minh bạch quy trình, thời hạn giải quyết; tăng cường trách nhiệm giải trình và cơ chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị.

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm (phương án đơn giản hóa hoàn thành trong năm 2027).

8.5. Tăng cường kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra hằng năm bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp; thực hiện nguyên tắc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp không quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng. Tăng cường thanh tra, kiểm tra tại các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực; nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở; xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm.

- Cơ quan chủ trì: Thanh tra tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hằng năm.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, được lồng ghép trong dự toán chi ngân sách hằng năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 của các cơ quan, đơn vị, địa phương, kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường

Căn cứ Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, lĩnh vực, địa bàn quản lý, xây dựng kế hoạch hoặc cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao vào chương trình, kế hoạch công tác và nhiệm vụ chuyên môn hằng năm để tổ chức thực hiện; xác định rõ lộ trình, tiến độ, sản phẩm và phân công trách nhiệm cụ thể đến từng phòng, đơn vị, cá nhân, hoàn thành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Kế hoạch này được ban hành.

Chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan trong tổ chức thực hiện, bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng tiến độ, không trùng lặp, chồng chéo, không bỏ sót nhiệm vụ; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

2. Sở Tài chính

Là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp chung kết quả thực hiện Kế hoạch này; chủ trì theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện các nội dung liên quan đến Nghị quyết số 19-NQ/TW; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp có thẩm quyền theo quy định.

Chủ trì tham mưu cân đối, bố trí nguồn lực thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán và quản lý, sử dụng kinh phí đúng quy định.

3. Công an tỉnh

Chủ trì theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện các nội dung liên quan đến Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 22-NQ/TW; định kỳ gửi Sở Tài chính để tổng hợp chung. Chủ trì rà soát, xác định phạm vi nội dung được công

khai trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến Chiến lược An ninh quốc gia, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện các nội dung liên quan đến Kết luận số 75-KL/TW, Nghị quyết số 20-NQ/TW và Nghị quyết số 21-NQ/TW; định kỳ gửi Sở Tài chính để tổng hợp chung.

5. Sở Nội vụ

Chủ trì theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện các nội dung liên quan đến Kết luận số 76-KL/TW; định kỳ gửi Sở Tài chính để tổng hợp chung. Tham mưu đưa kết quả thực hiện Kế hoạch này vào tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu.

6. Đề nghị các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn tỉnh

Đề nghị Thuế tỉnh Thái Nguyên, Thống kê tỉnh Thái Nguyên, Kho bạc Nhà nước Khu vực VII, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 5, Bảo hiểm xã hội khu vực quản lý địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Đại học Thái Nguyên căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ có liên quan; cung cấp, xác nhận số liệu phục vụ công tác theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu tại các Phụ lục kèm theo Kế hoạch này. Đề nghị Thống kê tỉnh Thái Nguyên chủ trì theo dõi, tổng hợp và cung cấp số liệu đối với các chỉ tiêu kinh tế - xã hội được phân công tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ tại Kế hoạch này; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện.

8. Chế độ thông tin, báo cáo

Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch định kỳ hằng quý (trước ngày 10 của tháng cuối quý), hằng năm (trước ngày 05 tháng 12) và đột xuất theo yêu cầu, gửi về cơ quan chủ trì theo dõi từng lĩnh vực quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Mục này để tổng hợp, gửi Sở Tài chính trước ngày 15 của tháng cuối quý và trước ngày 10 tháng 12 hằng năm.

Sở Tài chính tổng hợp chung, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp có thẩm quyền theo quy định trước ngày 20 của tháng cuối quý và trước ngày 20 tháng 12 hằng năm.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với chỉ đạo mới của Trung ương và của tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. 

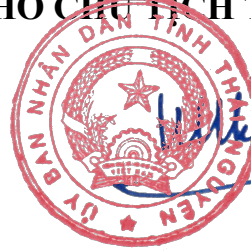
Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Công an tỉnh, Bộ CHQS tỉnh;
- Thuế tỉnh, Thống kê tỉnh, KBNN Khu vực VII;
- NHNN Chi nhánh Khu vực 5; BHXH;
- Đại học Thái Nguyên;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NV, NC, CNN&XD, KGVX.

Huyenhtm



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Linh

HỆ THỐNG CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VÀ PHÂN CÔNG THEO DÕI, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam**

*(Kèm theo Kế hoạch số 426 /KH-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2026	Giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, tổng hợp	Cơ quan phối hợp thực hiện	Tần suất báo cáo
<i>I. NHÓM CHỈ TIÊU VỀ THỂ CHẾ, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ</i>						
1	Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) (%)	-	> 95 (đến năm 2030)	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Năm
<i>II. NHÓM CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ</i>						
2	Tốc độ tăng trưởng GRDP (%)	11,0	$\geq 10,5$ (bình quân)	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Quý/Năm
3	GRDP bình quân đầu người (triệu đồng/người/năm)	127,5	220,0 (đến năm 2030)	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Năm
4	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	9,4	≥ 9	Sở Tài chính	Đề nghị Thống kê tỉnh Thái Nguyên phối hợp thực hiện	Năm
5	Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) (%)	-	> 55 (bình quân)	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm

TT	Chỉ tiêu	Năm 2026	Giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, tổng hợp	Cơ quan phối hợp thực hiện	Tần suất báo cáo
6	Tổng thu ngân sách nhà nước (tỷ đồng)	27.898	173.871	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Quý/Năm
7	Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước (không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết, thuế tối thiểu toàn cầu) bình quân/năm (%)	$\geq 7,7$	$\geq 12,5$	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường; đề nghị Thuế tỉnh Thái Nguyên phối hợp thực hiện	Quý/Năm
8	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa (tỷ USD)	$\geq 33,52$	48,11 (đến năm 2030)	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Quý/Năm
9	Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa (tỷ USD)	23,28	41,35 (đến năm 2030)	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Quý/Năm
10	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu (%)	20	16,5 (bình quân)	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Quý/Năm
11	Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (%)	18,5	15 (bình quân)	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Quý/Năm

TT	Chỉ tiêu	Năm 2026	Giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, tổng hợp	Cơ quan phối hợp thực hiện	Tần suất báo cáo
12	Giá trị tăng thêm ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người (USD)	1.810	2.920 (đến năm 2030)	Thống kê tỉnh Thái Nguyên	Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Năm
13	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP (%)	35,69	47 (đến năm 2030)	Thống kê tỉnh Thái Nguyên	Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Năm
14	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GRDP (%)	54,13	54,6 (đến năm 2030)	Thống kê tỉnh Thái Nguyên	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Quý/Năm
15	Tỷ trọng dịch vụ trong GRDP (%)	31,73	33,4 (đến năm 2030)	Thống kê tỉnh Thái Nguyên	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh theo phân ngành	Quý/Năm
16	Tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản trong GRDP (%)	10,32	8,9 (đến năm 2030)	Thống kê tỉnh Thái Nguyên	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ban, ngành thuộc tỉnh	Quý/Năm
17	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP (%)	33,8	35,0 (đến năm 2030)	Thống kê tỉnh Thái Nguyên	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm
18	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	Đạt top 10 toàn quốc	Đạt top 10 toàn quốc	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh liên quan	Năm

TT	Chỉ tiêu	Năm 2026	Giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, tổng hợp	Cơ quan phối hợp thực hiện	Tần suất báo cáo
19	Số doanh nghiệp đang hoạt động (doanh nghiệp)	15.000	36.000 (đến năm 2030)	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Năm
20	Phát triển doanh nghiệp công nghệ số địa phương tham gia chuỗi cung ứng doanh nghiệp công nghệ (doanh nghiệp)	10	50 (đến năm 2030)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Năm
21	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo (%)	25	≥ 40 (đến năm 2030)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; UBND các xã, phường	Năm
22	Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân (người/01 vạn dân)	10,5	20 (đến năm 2030)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh liên quan; UBND các xã, phường	Năm
23	Số lượng đơn đăng ký sở hữu công nghiệp (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu) tối thiểu đạt (đơn)	≥ 200	≥ 250 (đến năm 2030)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Năm
24	Tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (%)	≥ 3	≥ 3	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh liên quan; UBND các xã, phường	Năm
25	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội (tỷ đồng)	135.000	793.300 (đến năm 2030)	Thống kê tỉnh Thái Nguyên	Sở Tài chính, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Xây dựng	Năm
26	Tỷ lệ giải ngân đầu tư công (%)	100	100	Sở Tài chính	Các chủ đầu tư; đề nghị Kho bạc Nhà nước Khu vực VII phối hợp thực hiện	Năm

TT	Chỉ tiêu	Năm 2026	Giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, tổng hợp	Cơ quan phối hợp thực hiện	Tần suất báo cáo
27	Tổng lượng khách du lịch (triệu lượt khách)	8,06	49,92 (đến năm 2030)	Thống kê tỉnh Thái Nguyên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm
28	Số lượt khách quốc tế do các cơ sở lưu trú phục vụ (triệu lượt)	0,36	≥ 1 (đến năm 2030)	Thống kê tỉnh Thái Nguyên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm
29	Doanh thu du lịch (tỷ đồng)	25.000	25.000 (bình quân/năm)	Thống kê tỉnh Thái Nguyên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm
30	Tỷ lệ đô thị hóa (%)	48,26	> 55 (đến năm 2030)	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh liên quan; UBND các phường	Năm
III. NHÓM CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI						
31	Tuổi thọ trung bình (tuổi)	≥ 74,6	≥ 75,5 (đến năm 2030)	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Năm
32	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân (%)	96,22	100 (đến năm 2030)	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Năm
33	Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin (%)	70	90 (đến năm 2030)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Năm
34	Tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM) (%)	40	40	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Năm

TT	Chỉ tiêu	Năm 2026	Giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, tổng hợp	Cơ quan phối hợp thực hiện	Tần suất báo cáo
35	Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động (%)	22	50 (đến năm 2030)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Năm
36	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm (%)	100	100	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Năm
IV. NHÓM CHỈ TIÊU VỀ VĂN HÓA, CON NGƯỜI						
37	Chỉ số phát triển con người (HDI)	$\geq 0,76$	$\geq 0,8$ (đến năm 2030)	Thống kê tỉnh Thái Nguyên	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Năm
38	Tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hóa (%)	5	10 (đến năm 2030)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Năm
V. NHÓM CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI						
39	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (%)	40	45 (đến năm 2030)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Năm
40	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đạt quy chuẩn về môi trường (%)	94	100 (đến năm 2030)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Năm

TT	Chỉ tiêu	Năm 2026	Giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, tổng hợp	Cơ quan phối hợp thực hiện	Tần suất báo cáo
41	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả (%)	100	100	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Năm
42	Tỷ lệ che phủ rừng (%)	≥ 60	≥ 60 (duy trì)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Năm

Ghi chú: Các cơ quan chủ trì theo dõi, tổng hợp chịu trách nhiệm rà soát, đối chiếu số liệu nền, phương pháp tính và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định tại Mục V Kế hoạch này.

CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

**Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
về xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển**

(Kèm theo Kế hoạch số 426 /KH-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
I. CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ					
1	100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện nghiêm văn hóa công vụ	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045	Chỉ tiêu đạt được
2	Giảm bền vững tội phạm, vi phạm pháp luật, tai nạn và các rủi ro xã hội. Hằng năm giảm ít nhất 10% số vụ phạm tội về trật tự xã hội; đến năm 2030 xây dựng tỉnh Thái Nguyên không có ma túy	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Giai đoạn 2026 - 2030	Chỉ tiêu đạt được
3	Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) trên địa bàn tỉnh đạt trên 95%	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Giai đoạn 2026 - 2030	Chỉ tiêu đạt được

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
4	Bảo đảm đủ lớp, đủ trường, đủ giáo viên, đủ sách giáo khoa, thiết bị dạy học tối thiểu đáp ứng yêu cầu học tập của mọi lứa tuổi; ít nhất 85% người trong độ tuổi hoàn thành chương trình trung học phổ thông và tương đương; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%; tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 3%, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 3%; 100% người dân được khám sức khỏe hằng năm; đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân; trên 60% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội; 90% thiết chế văn hóa cơ sở hoạt động thường xuyên, hiệu quả; trên 95% hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”, trên 90% tổ dân phố, xóm đạt danh hiệu văn hóa, bảo đảm thực chất	Sở Giáo dục và Đào tạo đối với chỉ tiêu về giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; Sở Nội vụ đối với chỉ tiêu về lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội; Sở Y tế đối với chỉ tiêu về khám sức khỏe, bảo hiểm y tế; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với chỉ tiêu về thiết chế văn hóa, gia đình văn hóa	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường; đề nghị Bảo hiểm xã hội khu vực quản lý địa bàn tỉnh Thái Nguyên phối hợp	Giai đoạn 2026 - 2030	Chỉ tiêu đạt được
5	Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt từ 0,8 trở lên; chỉ số chênh lệch thu nhập (hệ số GINI) dưới mức 0,38	Thống kê tỉnh Thái Nguyên đối với Chỉ số phát triển con người (HDI); Sở Tài chính đối với hệ số GINI	Sở Y tế, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Giai đoạn 2026 - 2030	Chỉ tiêu đạt được
6	Kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đạt quy chuẩn về môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Giai đoạn 2026 - 2030	Chỉ tiêu đạt được

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
7	Các khu vực trung tâm trên địa bàn tỉnh cơ bản khắc phục tình trạng ngập úng và ô nhiễm môi trường	Sở Xây dựng đối với hệ thống thoát nước, chống ngập úng đô thị; Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Giai đoạn 2026 - 2030	Chỉ tiêu đạt được
II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU					
1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy hành động					
1.1	Xây dựng, triển khai Đề án tuyên truyền, truyền thông chính sách xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường; đề nghị Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên phối hợp	Theo lộ trình của Trung ương	Đề án được ban hành; các sản phẩm tuyên truyền, truyền thông
1.2	Đưa kết quả thực hiện Nghị quyết vào tiêu chí đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Hằng năm	Kết quả thực hiện Kế hoạch được lồng ghép trong nội dung, tiêu chí đánh giá của các phong trào thi đua của tỉnh và trong đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
2. Xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa và phát triển					
2.1	Rà soát, tham mưu ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh về quản trị xã hội, an sinh xã hội, an ninh con người	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực được giao quản lý; Ủy ban nhân dân các xã, phường	Sở Tư pháp đối với thẩm định văn bản quy phạm pháp luật; Sở Tài chính đối với cân đối nguồn lực; Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Hệ thống nghị quyết, quyết định, cơ chế chính sách của tỉnh
2.2	Đưa giáo dục pháp luật, văn hóa thượng tôn pháp luật và kỷ cương xã hội trở thành nội dung thường xuyên trong gia đình, nhà trường, cơ quan, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; phát huy vai trò của cơ quan báo chí, truyền thông, người có uy tín và các nền tảng số	Sở Tư pháp	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Người dân nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật
2.3	Đổi mới công tác tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm liêm chính, chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Các cơ quan thực thi pháp luật chấp hành nghiêm quy định

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
2.4	Tăng cường theo dõi tình hình thi hành pháp luật; xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm, bảo đảm không có vùng cấm, không có ngoại lệ	Sở Tư pháp đối với công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường đối với việc xử lý vi phạm theo thẩm quyền	Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Báo cáo công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm
2.5	Phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng mở, hiện đại, thực học, thực nghiệm; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, toàn diện; kết hợp giáo dục tri thức với đạo đức, pháp luật, lịch sử, văn hóa, kỹ năng sống; thực hiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, kỹ năng số	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, UBND các xã, phường; đề nghị Đại học Thái Nguyên phối hợp	Hàng năm	Báo cáo tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình, tỷ lệ lao động qua đào tạo
2.6	Nâng cao chất lượng y tế dự phòng, y tế cơ sở; thực hiện đồng bộ chính sách dân số; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe; triển khai lộ trình khám sức khỏe cho Nhân dân	Sở Y tế	Sở Tài chính, UBND các xã, phường; đề nghị Bảo hiểm xã hội khu vực quản lý địa bàn tỉnh Thái Nguyên phối hợp	Hàng năm và theo lộ trình	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế; danh sách người dân được khám sức khỏe định kỳ hàng năm

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
2.7	Nâng cao thể lực, tầm vóc và phát triển toàn diện con người; bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo đa chiều	Sở Y tế đối với lĩnh vực y tế, bảo trợ xã hội, trẻ em; Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với lĩnh vực giảm nghèo bền vững; Sở Nội vụ đối với lĩnh vực lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Báo cáo đánh giá Chỉ số phát triển con người (HDI)
2.8	Triển khai đồng bộ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa địa phương, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Bộ tiêu chí về hệ giá trị và chuẩn mực xã hội tại địa phương
2.9	Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, văn minh; phát triển văn hóa cơ sở, nâng cao mức thụ hưởng văn hóa của Nhân dân	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Thiết chế văn hóa cơ sở được đầu tư; báo cáo kết quả xây dựng gia đình văn hóa, xóm, tổ dân phố văn hóa
2.10	Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, dữ liệu số, chuyển đổi số trong quản trị xã hội; phát triển hạ tầng số, vận hành hiệu quả hệ thống một cửa, dịch vụ công trực tuyến kết nối đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Giai đoạn 2026 - 2030	Hệ thống dữ liệu dùng chung; các chỉ tiêu đạt được

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
2.11	Sắp xếp bộ máy tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; hướng dẫn hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm, bố trí, sử dụng cán bộ đúng người, đúng việc	Sở Nội vụ	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Quý IV/2026	Kiến toàn tổ chức bộ máy và vị trí việc làm
3. Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân					
3.1	Rà soát quy hoạch không gian phát triển; xây dựng, triển khai các đề án phòng ngừa, kiểm soát, xử lý rác thải, ô nhiễm môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Giai đoạn 2026 - 2030	Các đề án được ban hành; các công trình hạ tầng hoàn thành
3.2	Xây dựng, triển khai các đề án nâng cấp, xây mới hạ tầng giao thông, chống ngập úng đô thị	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Giai đoạn 2026 - 2030	Các công trình hạ tầng hoàn thành
3.3	Xây dựng và triển khai các đề án hỗ trợ sinh kế, tạo việc làm cho người dân	Sở Nội vụ đối với các đề án tạo việc làm; Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo đối với đề án hỗ trợ sinh kế	Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các xã, phường	Giai đoạn 2026 - 2030	Giảm tỷ lệ hộ nghèo, giảm tỷ lệ thất nghiệp
3.4	Cung cấp và phát triển các dịch vụ an sinh xã hội	Sở Y tế đối với bảo trợ xã hội, trẻ em; Sở Nội vụ đối với bảo hiểm xã hội, việc làm	Sở Tài chính, Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Hệ thống an sinh xã hội được cung cấp đầy đủ

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
4. Bảo đảm nguồn lực và thực hiện thí điểm các mô hình xã, phường, khu dân cư kiểu mẫu					
4.1	Bảo đảm bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước và huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra; tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Giai đoạn 2026 - 2030 và định hướng đến năm 2045	Hệ thống cơ chế, chính sách huy động, phân bổ nguồn lực, giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN
Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
về Chiến lược An ninh quốc gia

(Kèm theo Kế hoạch số 426 /KH-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia trong kỷ nguyên mới					
1.1	Tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao về bảo vệ an ninh quốc gia phù hợp với địa bàn, lĩnh vực quản lý; xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia	Công an tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Kế hoạch, phương án được ban hành và tổ chức thực hiện
2. Bảo vệ vững chắc an ninh chế độ, an ninh thể chế, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống					
2.1	Xây dựng hệ thống chính quyền địa phương vững chắc, đồng bộ, minh bạch và thích ứng, đủ sức phòng ngừa, xử lý các nguy cơ tham nhũng, lạm quyền, xung đột lợi ích và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; triển khai các biện pháp bảo vệ Hiến pháp, pháp luật	Công an tỉnh	Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện
2.2	Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm	Thanh tra tỉnh	Công an tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Kế hoạch thanh tra hằng năm; báo cáo kết quả xử lý vi phạm

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
3. Nâng cao năng lực dự báo chiến lược; chủ động đẩy lùi nguy cơ, thách thức, bảo vệ an ninh từ sớm, từ xa					
3.1	Tham mưu, đề xuất xử lý các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế của tỉnh theo hướng chủ động, linh hoạt, bảo đảm phù hợp với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa và cân bằng chiến lược trong quan hệ đối ngoại của tỉnh với các đối tác nước ngoài	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Công an tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, UBND các xã, phường có liên quan	Thường xuyên	Báo cáo công tác đối ngoại của tỉnh
3.2	Tham mưu nâng cao năng lực đối ngoại; phối hợp theo dõi, nắm tình hình và tham mưu xử lý các vấn đề phát sinh trong quan hệ với các đối tác nước ngoài; phối hợp khai thác, phát huy nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường quan hệ đối ngoại của tỉnh	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện
4. Bảo đảm an ninh các không gian, lĩnh vực mới nổi; chủ động ứng phó với các hình thái xâm phạm an ninh mới					
4.1	Xây dựng cơ chế huy động nguồn lực và mô hình phối hợp hiệu quả giữa các lực lượng an ninh, quân sự và dân sự trong ứng phó với các thách thức trên không gian mạng; bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu; tổ chức diễn tập ứng phó sự cố; đẩy nhanh tiến độ xây dựng Trung tâm An ninh mạng tỉnh	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Trung tâm An ninh mạng tỉnh; các cuộc diễn tập được tổ chức

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
4.2	Tăng cường bảo đảm an ninh văn hóa, tư tưởng; chủ động ngăn chặn, đẩy lùi thông tin xấu độc, sai sự thật; bảo đảm sự nhất quán của truyền thông chính thống và người dân được tiếp cận thông tin chính xác, tin cậy; xây dựng cơ chế đối thoại và trách nhiệm giải trình của chính quyền các cấp	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Công an tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND các xã, phường; đề nghị Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên phối hợp	Thường xuyên	Báo cáo kết quả công tác thông tin, tuyên truyền
5. Bảo vệ vững chắc an ninh kinh tế, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, tạo đột phá trong bảo vệ an ninh môi trường					
5.1	Giám sát, quản lý chặt chẽ các dự án đầu tư, bảo vệ doanh nghiệp và hạ tầng kinh tế trọng yếu; tăng cường bảo đảm an ninh tài chính - tiền tệ; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các nguy cơ gây đứt gãy chuỗi sản xuất hoặc mất ổn định thị trường; bảo đảm an ninh đối với công nghệ và dữ liệu trong các ngành chiến lược	Công an tỉnh	Sở Tài chính, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ; đề nghị Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 5, Thuế tỉnh Thái Nguyên phối hợp	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện
5.2	Chuyển mạnh tư duy, biện pháp bảo đảm an ninh năng lượng từ “đủ cung” sang “an toàn - ổn định - tự chủ - bền vững”; quy hoạch, phát triển và bảo vệ an toàn các công trình, lưới điện, nguồn cung năng lượng trên địa bàn tỉnh; khai thác hiệu quả, tiết kiệm các nguồn năng lượng tại chỗ đi đôi với phòng ngừa các sự cố kỹ thuật lớn	Sở Công Thương	Công an tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Phương án bảo đảm an ninh, an toàn công trình năng lượng

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
5.3	Giám sát, quản lý và ứng phó nguy cơ cạn kiệt tài nguyên; tối ưu hóa giá trị đất đai phục vụ phát triển kinh tế; bảo đảm diện tích đất cho phát triển nông nghiệp và môi trường; bảo vệ an ninh, an toàn nguồn nước, an ninh lương thực, thực phẩm; quản lý, bảo vệ và khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an tỉnh, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Báo cáo kết quả quản lý tài nguyên, nguồn nước, khoáng sản
5.4	Xây dựng thể trận an ninh công nhân; chăm lo xây dựng giai cấp công nhân, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân; phòng, chống âm mưu, hoạt động lợi dụng hợp tác phát triển kinh tế để trục lợi chính sách	Công an tỉnh đối với xây dựng thể trận an ninh công nhân và phòng, chống âm mưu, hoạt động lợi dụng hợp tác phát triển kinh tế để trục lợi chính sách; Sở Nội vụ đối với các nội dung về lao động, việc làm, an toàn, vệ sinh lao động; Sở Xây dựng đối với nội dung nhà ở công nhân và hạ tầng thiết yếu; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với nội dung nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho công nhân	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Công Thương, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các xã, phường; đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh phối hợp	Thường xuyên	Báo cáo an ninh công nhân; báo cáo tình hình quan hệ lao động, đời sống công nhân

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
6. Nâng cao hiệu quả bảo đảm an ninh con người, phát huy sức mạnh lòng dân					
6.1	Xác định rõ các lĩnh vực ưu tiên cần thể chế hóa nội dung an ninh con người; ứng dụng khoa học, công nghệ, tạo đột phá trong xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, thượng tôn Hiến pháp, pháp luật và kỷ cương xã hội	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh quản lý ngành, lĩnh vực liên quan đến an ninh quốc gia; Công an tỉnh chủ trì hướng dẫn, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các xã, phường	Thường xuyên	Danh mục lĩnh vực ưu tiên; văn bản được ban hành
6.2	Tăng cường bảo vệ an ninh con người trước thách thức an ninh phi truyền thống và trên không gian mạng; kiểm chế, kéo giảm bền vững tội phạm; giảm thiểu tai nạn giao thông, tai nạn cháy, nổ; kiểm soát, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, dược phẩm, an toàn sản xuất, phòng, chống ô nhiễm môi trường	Công an tỉnh đối với bảo vệ an ninh con người, kéo giảm tội phạm, giảm thiểu tai nạn giao thông, tai nạn cháy, nổ; Sở Y tế đối với an toàn thực phẩm, dược phẩm; Sở Nội vụ đối với an toàn, vệ sinh lao động; Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với phòng, chống ô nhiễm môi trường	Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Số vụ phạm tội, tai nạn được kéo giảm theo chỉ tiêu

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
6.3	Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội theo hướng thực chất, hiệu quả, mở rộng diện bao phủ, bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận các dịch vụ xã hội, chính sách hỗ trợ cơ bản, trước hết là các nhóm yếu thế và dễ bị tổn thương; tăng chi ngân sách cho an sinh xã hội và các chính sách đầu tư vào con người	Sở Y tế đối với bảo trợ xã hội, trẻ em; Sở Nội vụ đối với lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội, người có công	Sở Tài chính, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Tỷ lệ bao phủ chính sách an sinh xã hội
7. Triển khai đối ngoại và hội nhập quốc tế về an ninh					
7.1	Duy trì thường xuyên, hiệu quả quan hệ hợp tác giữa tỉnh Thái Nguyên với các đối tác, địa phương của các nước theo bản thỏa thuận quốc tế đã ký kết; tích cực phối hợp tham gia các cơ chế, diễn đàn khu vực và quốc tế về an ninh, ưu tiên hợp tác trong các lĩnh vực an ninh phi truyền thống	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Công an tỉnh, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thường xuyên	Các chương trình, thỏa thuận hợp tác được triển khai
8. Nâng cao năng lực bảo vệ an ninh quốc gia					
8.1	Rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của tỉnh để thể chế hóa đầy đủ quan điểm của Đảng về Chiến lược An ninh quốc gia	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh quản lý ngành, lĩnh vực liên quan đến an ninh quốc gia; Công an tỉnh chủ trì hướng dẫn, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Tư pháp, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường	Thường xuyên	Danh mục văn bản cần sửa đổi, bổ sung; văn bản được ban hành

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
8.2	Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; bảo đảm an ninh tôn giáo, an ninh dân tộc, an ninh cơ sở theo phương châm “bốn tại chỗ”	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đối với nhiệm vụ quốc phòng, khu vực phòng thủ; Công an tỉnh đối với nhiệm vụ bảo đảm an ninh cơ sở, an ninh tôn giáo, an ninh dân tộc	Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Khu vực phòng thủ được xây dựng; tình hình an ninh cơ sở ổn định

CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ, SẢN PHẨM CHỦ YẾU VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN
Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về bảo vệ môi trường
và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới
(Kèm theo Kế hoạch số 426 /KH-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
I. CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2030					
1	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt 45%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Đến năm 2030	Chỉ tiêu đạt được
2	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đạt quy chuẩn môi trường đạt 100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Đến năm 2030	Chỉ tiêu đạt được
3	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đạt 100%	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND các xã, phường	Đến năm 2030	Chỉ tiêu đạt được
4	100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có nước thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường; tối thiểu 70% nước thải đô thị loại I được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Đến năm 2030	Chỉ tiêu đạt được

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
5	Tối thiểu 95% chất thải rắn sinh hoạt đô thị, trên 90% chất thải rắn sinh hoạt khu vực nông thôn, 100% chất thải y tế nguy hại và chất thải công nghiệp nguy hại được thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải được thu gom dưới 30%	Ủy ban nhân dân các xã, phường đối với chất thải rắn sinh hoạt đô thị, nông thôn; Sở Y tế đối với chất thải y tế nguy hại; Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với chất thải công nghiệp nguy hại	Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Đến năm 2030	Chỉ tiêu đạt được
6	100% cơ sở thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục hoàn thành lắp đặt, kết nối và truyền dữ liệu ổn định về cơ quan quản lý; các nguồn nước thải, khí thải lớn được giám sát liên tục theo thời gian thực	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các xã, phường	Đến năm 2030	Chỉ tiêu đạt được
7	Tỷ lệ số ngày trong năm có chỉ số chất lượng môi trường không khí (AQI) ở mức tốt và trung bình đạt 80%; kiểm soát không để gia tăng mức độ ô nhiễm không khí tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu khai thác khoáng sản và các tuyến giao thông trọng điểm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Công an tỉnh, UBND các xã, phường	Đến năm 2030	Chỉ tiêu đạt được

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
8	Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh thống nhất, đồng bộ, tích hợp với Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh và kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia; ứng dụng GIS, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo trong giám sát, dự báo, cảnh báo và hỗ trợ ra quyết định	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh	Đến năm 2030	Chi tiêu đạt được
9	Giảm phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường 9%; 100% cơ sở thuộc đối tượng kiểm kê khí nhà kính thực hiện đầy đủ nghĩa vụ; hoàn thành kiểm kê khí nhà kính cấp tỉnh và kế hoạch giảm phát thải theo ngành, lĩnh vực; hình thành, triển khai các dự án tạo tín chỉ các-bon	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp, tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Đến năm 2030	Chi tiêu đạt được
10	Tỷ lệ số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn đạt 70%; tỷ lệ các hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất được di dời đến nơi an toàn đạt 80%; 100% xã, phường xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu phù hợp địa bàn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Đến năm 2030	Chi tiêu đạt được

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
11	100% hồ chứa nước thuộc diện phải xây dựng quy trình vận hành, phương án ứng phó thiên tai và phương án bảo vệ đập, vùng hạ du được rà soát, xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện; các tuyến đê, kè, công qua đê, công trình thủy lợi xung yếu được quản lý theo hồ sơ số, kiểm tra định kỳ	Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với đập, hồ chứa thủy lợi và công trình đê điều; Sở Công Thương đối với đập, hồ chứa thủy điện	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các xã, phường	Đến năm 2030	Chỉ tiêu đạt được
12	100% xã, phường xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai có sự tham gia của cộng đồng; 100% người dân tại các địa bàn thường xuyên xảy ra thiên tai và ít nhất 50% người dân tại khu vực khác được phổ biến kiến thức, kỹ năng phòng tránh thiên tai; phần đầu 100% hộ gia đình tiếp nhận đầy đủ thông tin cảnh báo, chỉ đạo ứng phó	Ủy ban nhân dân các xã, phường đối với xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã và phổ biến kiến thức, kỹ năng phòng tránh thiên tai cho người dân; Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với hướng dẫn, kiểm tra và bảo đảm thông tin cảnh báo, chỉ đạo ứng phó	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đến năm 2030	Chỉ tiêu đạt được

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
13	Trên 50% diện tích gieo trồng lúa áp dụng các biện pháp sản xuất an toàn, bền vững, tiết kiệm nước và giảm phát thải; triển khai giai đoạn đầu ít nhất 01 - 02 mô hình trồng trọt giảm phát thải có khả năng nhân rộng, ưu tiên cây chè, cây dong riềng và các vùng sản xuất hàng hóa tập trung	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Đến năm 2030	Chỉ tiêu đạt được
14	Tỷ lệ che phủ rừng từ 60% trở lên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Đến năm 2030	Chỉ tiêu đạt được
15	Tỷ trọng kinh tế xanh trong GRDP của tỉnh đạt khoảng 10%	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ; đề nghị Thống kê tỉnh Thái Nguyên phối hợp	Đến năm 2030	Chỉ tiêu đạt được
16	Tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt khoảng 5 - 10%	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Đến năm 2030	Chỉ tiêu đạt được
17	Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GRDP từ 0,5 - 1%/năm	Sở Công Thương	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Đến năm 2030	Chỉ tiêu đạt được

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
18	Có công trình xây dựng xanh được chứng nhận	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Đến năm 2030	Chi tiêu đạt được
19	Bảo đảm tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho sự nghiệp bảo vệ môi trường; căn cứ khả năng cân đối ngân sách, phân đầu duy trì mức bố trí 2 - 3% chi thường xuyên ngân sách địa phương cho bảo vệ môi trường	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Đến năm 2030	Chi tiêu đạt được
II. NHIỆM VỤ, SẢN PHẨM CHỦ YẾU					
1	Tổ chức hội nghị quán triệt Kết luận số 75-KL/TW và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh; ban hành tài liệu tuyên truyền, hỏi - đáp, chuyên trang truyền thông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường; đề nghị Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên phối hợp	Hoàn thành trong quý IV/2026; duy trì thường xuyên	100% cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức quán triệt; có sản phẩm truyền thông định kỳ
2	Phân giao chỉ tiêu môi trường, khí hậu đến từng sở, ngành, xã, phường; xây dựng bộ chỉ số theo dõi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Quý IV/2026	Bộ chỉ số theo dõi; bảng giao nhiệm vụ theo nguyên tắc “6 rõ”

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
3	Rà soát toàn diện văn bản, cơ chế, chính sách của tỉnh về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, UBND các xã, phường	Hoàn thành đợt 1 trong năm 2026; rà soát hằng năm	Danh mục văn bản cần xử lý; dự thảo văn bản thuộc thẩm quyền
4	Xây dựng bản đồ trách nhiệm quản lý môi trường theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm một việc chỉ có một cơ quan chủ trì	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường	Quý I/2027	Quy chế phối hợp và ma trận trách nhiệm
5	Ban hành và triển khai Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Công an tỉnh, UBND các xã, phường	Hoàn thành trong năm 2026; đánh giá hằng năm	Kế hoạch được ban hành; cơ sở dữ liệu nguồn phát thải; PM2.5 giảm tối thiểu 10% so với năm 2024 vào năm 2030
6	Xây dựng và ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt; đánh giá sức chịu tải, khả năng tiếp nhận nước thải, phân vùng tiếp nhận	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND các xã, phường	Hoàn thành trong năm 2027; cập nhật định kỳ	Kế hoạch và bản đồ phân vùng; ưu tiên sông Cầu, sông Công, phụ lưu, suối nội đô

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
7	Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh tích hợp Trung tâm giám sát, điều hành thông minh; bản đồ số nguồn thải, chất lượng môi trường, điểm nóng và rủi ro khí hậu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Sở Tài chính	Phiên bản 1 vận hành năm 2027; hoàn thiện 2028 - 2030	Dữ liệu chuẩn hóa, liên thông; bảng điều khiển giám sát; tỷ lệ dữ liệu cập nhật đúng hạn đạt 100%
8	Rà soát, điều chỉnh mạng lưới quan trắc môi trường giai đoạn 2026 - 2035; nâng cấp trạm, bổ sung điểm quan trắc khu vực trọng điểm và miền núi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các xã, phường	Đề án hoàn thành năm 2027; đầu tư 2027 - 2030	Mạng lưới đồng bộ với quốc gia; dữ liệu đủ đại diện cho đô thị, công nghiệp, khai khoáng, nông thôn, miền núi
9	Hoàn thành lắp đặt, truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục đối với cơ sở thuộc đối tượng; thiết lập quy trình cảnh báo và xử lý dữ liệu vượt quy chuẩn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Công Thương, Công an tỉnh, UBND các xã, phường	Rà soát hoàn thành năm 2026; 100% đối tượng hoàn thành trước năm 2030	Dữ liệu truyền ổn định; vi phạm được xác minh, xử lý kịp thời
10	Lập danh mục nguồn thải lớn, cơ sở rủi ro cao, cơ sở nằm xen kẽ khu dân cư; xây dựng lộ trình cải tạo công nghệ hoặc di dời	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND các xã, phường	Danh mục năm 2026; lộ trình 2027 - 2030	Danh mục được phê duyệt; 100% cơ sở trong danh mục có phương án xử lý

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
11	Hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp đang hoạt động	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính	Giai đoạn 2026 - 2030	Đến năm 2030 đạt 100% khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống đáp ứng yêu cầu
12	Rà soát, đôn đốc Chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp đang hoạt động hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp theo quy định	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Lộ trình từng cụm trong năm 2026; hoàn thành trước năm 2030	Không tiếp nhận dự án thứ cấp mới khi chưa đáp ứng hạ tầng; đến năm 2030 đạt 100%
13	Chương trình đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị và khu dân cư tập trung; áp dụng mô hình phân tán tại khu vực miền núi	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Giai đoạn 2026 - 2030	Danh mục dự án, tiến độ và nguồn vốn; tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tối thiểu 70% vào năm 2030

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
14	Tổ chức phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; hoàn thiện giá dịch vụ, định mức, phương án thu gom, trạm trung chuyển	Ủy ban nhân dân các xã, phường đối với tổ chức phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với giá dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật	Sở Tài chính thẩm định phương án giá theo quy định của pháp luật về giá; Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ban, ngành liên quan	Thí điểm 2026 - 2027; nhân rộng 2028 - 2030	Mỗi xã, phường có phương án; tỷ lệ thu gom đạt 95% đô thị, trên 90% nông thôn
15	Đầu tư khu liên hợp tái chế, xử lý chất thải; chuyển đổi công nghệ giảm chôn lấp, thu hồi năng lượng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ	Chuẩn bị dự án 2026 - 2027; triển khai 2027 - 2030	Dự án theo quy hoạch; tăng tỷ lệ tái chế, thu hồi năng lượng; kiểm soát nước rỉ rác và mùi
16	Cải tạo, đóng cửa, phục hồi môi trường các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh; ưu tiên các bãi quá tải, gây ô nhiễm	Ủy ban nhân dân các xã, phường có bãi chôn lấp	Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn, kiểm tra; Sở Tài chính, Sở Xây dựng	Giai đoạn 2026 - 2030 theo danh mục ưu tiên	Mỗi bãi có phương án được phê duyệt; hoàn thành phục hồi theo tiến độ
17	Xử lý ô nhiễm cầu Bống Tối - suối Đồng Danh; nạo vét, phục hồi suối Cốc và các đoạn sông, suối, hồ ưu tiên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Giai đoạn 2026 - 2030; ưu tiên công trình cấp bách 2026 - 2027	Số liệu chất lượng nước trước - sau xử lý; giảm rõ thông số hữu cơ, vi sinh và mùi

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
18	Điều tra, xử lý các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật, đất ô nhiễm tại các khu vực ưu tiên trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Y tế, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Lập dự án 2026 - 2027; xử lý 2027 - 2030	Hồ sơ phân loại mức độ ô nhiễm; cơ bản xử lý điểm nghiêm trọng trước năm 2030
19	Kiểm soát ô nhiễm nông nghiệp, chăn nuôi; thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật; phát triển chuỗi sử dụng chất thải chăn nuôi làm phân bón, năng lượng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, UBND các xã, phường	Thường xuyên, 2026 - 2030	100% trang trại tập trung có hệ thống xử lý đạt yêu cầu hoặc tái sử dụng
20	Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở y tế thuộc phạm vi quản lý thực hiện quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế theo quy định; bảo đảm chất thải y tế được quản lý, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở y tế thuộc phạm vi quản lý rà soát, lập, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật	Sở Y tế	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường	Thường xuyên; hoàn thiện tồn tại trước năm 2028	100% chất thải y tế nguy hại được xử lý đúng quy định
21	Triển khai chương trình hạn chế nhựa dùng một lần, túi ni-lông khó phân hủy; thực hiện trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, phường	Ban hành chương trình năm 2027; thực hiện đến năm 2030	Mô hình tại cơ quan, trường học, siêu thị, chợ, khu du lịch; báo cáo lượng nhựa giảm và lượng thu hồi tái chế

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
22	Điều tra, kiểm kê, quan trắc, đánh giá, tăng cường quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên; từng bước triển khai lượng giá tài nguyên, dịch vụ hệ sinh thái, hạch toán vốn tự nhiên và xác định các nguồn nước có giá trị đặc biệt cần ưu tiên bảo vệ, phục hồi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các xã, phường	Giai đoạn 2026 - 2030	Danh mục khu vực ưu tiên; duy trì diện tích, nâng chất lượng rừng và sinh cảnh
23	Cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu và bản đồ rủi ro lũ quét, sạt lở, ngập lụt, hạn hán; tích hợp vào quy hoạch, kế hoạch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các xã, phường	Hoàn thành cập nhật năm 2027; rà soát hằng năm	Bản đồ số đến cấp xã; 100% địa bàn rủi ro cao có phương án cảnh báo, sơ tán, bố trí dân cư
24	Hiện đại hóa quan trắc khí tượng thủy văn, cảnh báo sớm thiên tai; xây dựng nền tảng cảnh báo đa kênh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Giai đoạn 2026 - 2030	Tăng độ phủ trạm, rút ngắn thời gian cảnh báo; diễn tập định kỳ tại khu vực nguy cơ cao
25	Rà soát, nâng cấp hạ tầng chống chịu khí hậu: hồ đập, đê, kè, thoát nước, khu dân cư; lập phương án di dời vùng rủi ro cao	Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với hồ đập thủy lợi, đê, kè; Sở Xây dựng đối với hệ thống thoát nước, khu dân cư đô thị	Sở Tài chính, Sở Công Thương, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, UBND các xã, phường	Danh mục năm 2027; đầu tư 2027 - 2030 và giai đoạn sau	Công trình được ưu tiên theo rủi ro; phương án di dời gắn với sinh kế, đất ở, dịch vụ thiết yếu

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
26	Thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp tỉnh và tại cơ sở; xây dựng kế hoạch giảm phát thải theo ngành, lĩnh vực	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Theo chu kỳ quốc gia; cập nhật hằng năm	100% cơ sở thuộc danh mục báo cáo đúng hạn; có cơ sở dữ liệu và kế hoạch giảm phát thải đo lường được
27	Thí điểm, nhân rộng dự án tín chỉ các-bon trong lâm nghiệp, nông nghiệp, năng lượng, xử lý chất thải và công nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các xã, phường	Thí điểm 2027 - 2028; nhân rộng 2029 - 2030	Dự án đủ điều kiện đăng ký; bảo đảm quyền lợi địa phương, cộng đồng và tính toàn vẹn môi trường
28	Phát triển công trình xanh, đô thị xanh, giao thông phát thải thấp; kiểm soát bụi xây dựng và khí thải phương tiện	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, Sở Công Thương, UBND các xã, phường	Giai đoạn 2026 - 2030	Quy định, tiêu chí và dự án thí điểm; tăng không gian xanh đô thị
29	Triển khai chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về môi trường, khí hậu; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, hệ thống thông tin địa lý, viễn thám và công nghệ xử lý	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính; đề nghị Đại học Thái Nguyên phối hợp	Ban hành năm 2027; thực hiện 2027 - 2030	Danh mục nhiệm vụ nghiên cứu; sản phẩm ứng dụng thực tế
30	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý môi trường, khí hậu, nhất là ở cấp xã; bố trí nhân lực phù hợp địa bàn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các xã, phường; đề nghị Trường Chính trị tỉnh phối hợp	Hằng năm	100% cán bộ được phân công được tập huấn; đánh giá năng lực sau đào tạo

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
31	Bố trí ngân sách, huy động đầu tư theo phương thức đối tác công tư, tín dụng xanh, ODA và nguồn quốc tế cho các dự án ưu tiên	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương; đề nghị Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 5 phối hợp	Hàng năm và trung hạn	Bảo đảm tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước cho sự nghiệp bảo vệ môi trường; danh mục dự án có nguồn vốn, tiến độ giải ngân
32	Tăng cường thanh tra, kiểm tra, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường; công khai kết quả	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Công an tỉnh đối với công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường	Thanh tra tỉnh, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND các xã, phường	Thường xuyên; kế hoạch hằng năm	Kiểm tra theo rủi ro; 100% vụ việc phát hiện được xử lý đúng thẩm quyền; công khai theo quy định
33	Tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết Kế hoạch; công bố báo cáo kết quả thực hiện	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Báo cáo 6 tháng, hằng năm; sơ kết năm 2028; tổng kết năm 2030	Báo cáo định lượng theo bộ chỉ số; đề xuất điều chỉnh

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
34	Rà soát, số hóa, đánh giá an toàn hệ thống đề điều, hồ đập, trạm bơm, kênh mương; xây dựng lộ trình sửa chữa, nâng cấp và xử lý trọng điểm xung yếu	Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với công trình thủy lợi, đề điều; Sở Công Thương đối với đập, hồ chứa thủy điện	Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các xã, phường	Rà soát, lập danh mục trong năm 2026; đầu tư, xử lý 2027 - 2030	Cơ sở dữ liệu và hồ sơ số công trình; 100% hồ chứa thuộc diện quy định có quy trình vận hành, phương án bảo vệ đập và vùng hạ du
35	Xây dựng nền tảng theo dõi nguồn nước, mưa, lũ, vận hành hồ chứa, an toàn đề điều; cảnh báo sớm hạn hán, thiếu nước, ngập lụt, lũ quét, sạt lở và sự cố công trình	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND các xã, phường	Phiên bản đầu năm 2027; hoàn thiện 2028 - 2030	Dữ liệu quan trắc, bản đồ rủi ro, cảnh báo đa kênh được tích hợp; kiểm tra, diễn tập hệ thống hằng năm
36	Triển khai Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; xây dựng bản đồ rủi ro, kế hoạch có sự tham gia, mô hình xã an toàn và diễn tập theo kịch bản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, phường	Giai đoạn 2026 - 2030; đánh giá hằng năm	100% xã, phường có kế hoạch phòng, chống thiên tai với sự tham gia của cộng đồng

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
37	Triển khai mô hình trồng trọt giảm phát thải, thích ứng biến đổi khí hậu theo vùng và chuỗi giá trị; ưu tiên cây chè, dong riềng, lúa và cây trồng chủ lực	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Chuẩn bị năm 2026; thực hiện mô hình 2027 - 2030	Ít nhất 01 - 02 mô hình có khả năng nhân rộng; đánh giá giảm phát thải, hiệu quả kinh tế và phương án liên kết tiêu thụ
38	Nhân rộng kỹ thuật trồng trọt tiết kiệm nước, an toàn, bền vững; chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp; xử lý phụ phẩm nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, UBND các xã, phường	Giai đoạn 2026 - 2030	Trên 50% diện tích gieo trồng lúa áp dụng biện pháp sản xuất an toàn, bền vững; giảm đốt phụ phẩm, giảm vật tư hóa học
39	Xây dựng chăn nuôi thích ứng biến đổi khí hậu, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và tuần hoàn; hoàn thiện kịch bản bảo vệ đàn vật nuôi, di dời, phòng dịch và phục hồi sau thiên tai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Y tế, Sở Công Thương, UBND các xã, phường	Giai đoạn 2026 - 2030; cập nhật trước mùa thiên tai hằng năm	100% trang trại quy mô tập trung có phương án phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và xử lý môi trường

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
40	Tăng cường quản lý, bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn; ứng dụng hệ thống thông tin địa lý, viễn thám cảnh báo mất rừng, suy thoái, cháy rừng; phát triển rừng bền vững và các-bon rừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Giai đoạn 2026 - 2030	Duy trì tỷ lệ che phủ rừng từ 60% trở lên; hệ thống cảnh báo cháy rừng được vận hành; hoàn thành giao đất, giao rừng theo lộ trình
41	Xây dựng, cập nhật kịch bản bảo đảm an ninh nguồn nước, an ninh lương thực và phục hồi sản xuất nông nghiệp khi xảy ra thiên tai cực đoan, dịch bệnh trên diện rộng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương, Sở Y tế, Sở Tài chính, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, UBND các xã, phường	Ban hành, cập nhật từ năm 2026; diễn tập, rà soát hằng năm	Kịch bản theo từng cấp độ rủi ro; danh mục nguồn nước, vùng lương thực, giống, vật tư và nguồn lực dự phòng

Ghi chú: Nguồn vốn và quy mô đầu tư cụ thể của từng chương trình, dự án được xác định trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch tài chính - ngân sách và dự toán hằng năm, bảo đảm đúng thẩm quyền, quy định của pháp luật và khả năng cân đối nguồn lực của tỉnh.

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN
Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh

(Kèm theo Kế hoạch số 426 /KH-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện					
1.1	Xác định tuyên truyền, giáo dục về biển, đảo, xây dựng “thế trận lòng dân” và thực hiện chính sách hậu phương quân đội là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài; đưa nội dung thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường đối với cơ quan, đơn vị, địa phương mình; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Nội dung được đưa vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm
1.2	Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện; tăng cường kiểm tra, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; biểu dương, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường đối với cơ quan, đơn vị, địa phương mình; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp	Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Báo cáo kết quả kiểm tra; mô hình được nhân rộng

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
1.3	Chủ động đấu tranh, phản bác thông tin, quan điểm sai trái, xuyên tạc về chủ quyền biển, đảo; nâng cao ý thức cảnh giác trước các hoạt động lợi dụng vấn đề biển, đảo gây mất ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội	Công an tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, UBND các xã, phường; đề nghị Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên phối hợp	Thường xuyên	Thông tin sai trái được phát hiện, xử lý kịp thời
2. Đổi mới, nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục về biển, đảo					
2.1	Tổ chức tuyên truyền sâu rộng về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; lịch sử, cơ sở pháp lý và bằng chứng khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với các vùng biển, đảo, nhất là hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, phường; đề nghị Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên phối hợp	Thường xuyên	Các hoạt động, sản phẩm tuyên truyền được triển khai
2.2	Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền theo hướng ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp từng nhóm đối tượng; tăng cường ứng dụng công nghệ số, mạng xã hội, nền tảng truyền thông mới; chú trọng tuyên truyền cho thanh niên, học sinh, sinh viên, công nhân, người lao động và cộng đồng doanh nghiệp	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND các xã, phường; đề nghị Đại học Thái Nguyên phối hợp	Thường xuyên	Sản phẩm truyền thông số; số lượt tiếp cận

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
2.3	Duy trì các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Ngày Đại dương thế giới; tham gia triển lãm, trưng bày tư liệu, cuộc thi tìm hiểu, sáng tác văn học, nghệ thuật, hoạt động ngoại khóa và giao lưu với cán bộ, chiến sĩ Hải quân	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Các hoạt động được tổ chức hằng năm
3. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc					
3.1	Thường xuyên rà soát, nắm chắc tình hình gia đình cán bộ, chiến sĩ, người lao động của tỉnh đang làm nhiệm vụ tại các đơn vị đóng quân trên biển, đảo; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Sở Nội vụ, Sở Y tế, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Danh sách được rà soát; chế độ, chính sách được thực hiện đầy đủ
3.2	Tổ chức thăm hỏi, động viên, hỗ trợ gia đình có hoàn cảnh khó khăn; quan tâm giải quyết việc làm, học tập, chăm sóc sức khỏe và các nhu cầu chính đáng của thân nhân cán bộ, chiến sĩ đang làm nhiệm vụ xa nhà	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Số lượt thăm hỏi, hỗ trợ được thực hiện
3.3	Huy động sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong các chương trình “Vì biển, đảo quê hương”, “Vì Trường Sa thân yêu”, “Nghĩa tình biên giới, biển đảo”; bảo đảm thiết thực, công khai, đúng quy định	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính, UBND các xã, phường; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phối hợp	Thường xuyên	Kết quả huy động được công khai theo quy định

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
3.4	Duy trì việc cử các đoàn đại biểu của tỉnh tham gia các đoàn công tác thăm, động viên cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân tại Trường Sa, Nhà giàn DK1	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính	Thường xuyên	Các đoàn công tác được tổ chức hằng năm
4. Tăng cường liên kết, hợp tác với các địa phương có biển					
4.1	Mở rộng quan hệ hợp tác với tỉnh Khánh Hòa và các tỉnh, thành phố có biển trên cơ sở phát huy thế mạnh, tiềm năng của mỗi địa phương; ưu tiên hợp tác trong các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, chế biến, thương mại, du lịch, logistics, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu	Sở Tài chính	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thường xuyên	Các thỏa thuận, chương trình hợp tác được ký kết, triển khai
4.2	Tham gia xây dựng hành lang kinh tế quốc tế Quảng Tây - Cao Bằng - Thái Nguyên - Hải Phòng - Quảng Ninh; hình thành cực tăng trưởng; đưa Thái Nguyên thành trung tâm giao thương kinh tế quốc tế của vùng trung du và miền núi phía Bắc, là trung tâm công nghiệp, logistics, giáo dục - đào tạo và cửa ngõ kết nối vùng với hệ thống cảng biển Hải Phòng, Quảng Ninh	Sở Tài chính	Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Giai đoạn 2026 - 2030	Nội dung được tích hợp trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
4.3	Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, kết nối cung - cầu; tạo điều kiện cho doanh nghiệp của tỉnh tham gia chuỗi cung ứng sản phẩm cơ khí, điện tử, viễn thông, công nghệ số, thiết bị, vật liệu và dịch vụ phục vụ kinh tế biển	Sở Công Thương	Sở Tài chính, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Số hoạt động xúc tiến; số doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng
4.4	Khuyến khích liên kết phát triển các sản phẩm du lịch lịch sử, văn hóa, sinh thái của Thái Nguyên với các tuyến, điểm du lịch biển; phối hợp trao đổi khách du lịch, quảng bá sản phẩm, xây dựng chương trình du lịch liên vùng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Công Thương, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Chương trình du lịch liên vùng được xây dựng
4.5	Chuyển mạnh từ hoạt động giao lưu sang các chương trình hợp tác có nội dung, sản phẩm và hiệu quả cụ thể trên cơ sở phát huy kết quả các hoạt động giao lưu, hợp tác với các địa phương có biển đã thực hiện trong giai đoạn trước	Sở Tài chính	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo	Thường xuyên	Chương trình hợp tác có sản phẩm cụ thể
5. Phát triển nguồn nhân lực phục vụ các ngành kinh tế biển					
5.1	Tăng cường giáo dục kiến thức về biển, đại dương, pháp luật về biển, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu cho học sinh, sinh viên, học viên trong các cơ sở giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; đề nghị Đại học Thái Nguyên phối hợp	Thường xuyên	Nội dung được đưa vào chương trình giáo dục, hoạt động ngoại khóa

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
5.2	Rà soát, điều chỉnh chương trình, ngành nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu nhân lực của các địa phương có biển và các ngành kinh tế biển, tập trung vào công nghệ thông tin, tự động hóa, cơ khí, điện tử, logistics, du lịch, nhà hàng, khách sạn, chế biến thực phẩm, công nghệ sinh học và bảo vệ môi trường; bảo đảm gắn với nhu cầu liên kết, hợp tác thực tế và phù hợp với năng lực đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương; đề nghị Đại học Thái Nguyên phối hợp	Thường xuyên	Danh mục ngành nghề đào tạo được điều chỉnh
5.3	Tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp và địa phương có biển; đẩy mạnh đào tạo theo đặt hàng, đào tạo lại, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ, kỹ năng số và tác phong công nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Công Thương, Sở Tài chính	Thường xuyên	Số chương trình liên kết, số lao động được đào tạo
5.4	Phát huy thế mạnh của tỉnh là trung tâm giáo dục, đào tạo; tiếp tục cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho các địa phương có biển trong các ngành du lịch, dịch vụ và chế biến liên quan đến kinh tế biển	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Công Thương; đề nghị Đại học Thái Nguyên phối hợp	Thường xuyên	Số lao động được đào tạo, cung ứng hằng năm

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
6. Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm biển, bảo đảm chất lượng và an toàn thực phẩm					
6.1	Tổ chức, tham gia các hội chợ, triển lãm, hội nghị kết nối cung - cầu, xúc tiến thương mại tại Thái Nguyên và các địa phương có biển; tạo điều kiện để các tổ chức, doanh nghiệp giới thiệu, phân phối sản phẩm thủy sản và sản phẩm chế biến từ biển có chất lượng	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Số hội chợ, hội nghị kết nối được tổ chức
6.2	Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ bảo quản, sơ chế, chế biến, vận chuyển và phân phối sản phẩm từ biển; phát triển thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc, xây dựng chuỗi cung ứng an toàn, ổn định	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Thường xuyên	Số doanh nghiệp đầu tư; chuỗi cung ứng được hình thành
6.3	Tăng cường kiểm tra, giám sát nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm từ biển lưu thông trên địa bàn tỉnh; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, không bảo đảm chất lượng	Sở Y tế đối với an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý; Sở Công Thương đối với hoạt động thương mại; Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với sản phẩm thủy sản	Công an tỉnh, Thanh tra tỉnh, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm được công khai
6.4	Hỗ trợ đưa sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp, OCOP và các sản phẩm đặc trưng của Thái Nguyên vào thị trường các tỉnh, thành phố có biển, bảo đảm hợp tác hai chiều, cùng có lợi	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Số sản phẩm được đưa vào hệ thống phân phối tại các địa phương có biển

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
7. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ					
7.1	Khuyến khích các cơ sở nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp trên địa bàn nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, sản xuất sản phẩm phục vụ kinh tế biển, nhất là công nghệ số, tự động hóa, vật liệu mới, công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản và chế biến nông, lâm, thủy sản	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính; đề nghị Đại học Thái Nguyên phối hợp	Thường xuyên	Số nhiệm vụ khoa học, công nghệ được triển khai
7.2	Tăng cường hợp tác nghiên cứu, đào tạo với các viện, trường, địa phương có biển; hình thành các nhóm nghiên cứu, chương trình hợp tác liên ngành về môi trường, biến đổi khí hậu, logistics, công nghiệp hỗ trợ và kinh tế tuần hoàn	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; đề nghị Đại học Thái Nguyên phối hợp	Thường xuyên	Các chương trình hợp tác nghiên cứu được ký kết
7.3	Phát huy kết quả nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất giống, chế phẩm sinh học, xử lý môi trường, bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Thường xuyên	Số doanh nghiệp được hỗ trợ đổi mới công nghệ
8. Tăng cường bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm thiểu rác thải nhựa					
8.1	Nâng cao hiệu quả thanh tra, kiểm tra, quan trắc, giám sát môi trường; phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm ngay từ khâu xem xét, thẩm định dự án đầu tư; tăng cường quản lý chất thải, bảo vệ nguồn nước và các lưu vực sông	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Công Thương, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Kết quả thanh tra, kiểm tra; chất lượng nước lưu vực sông được cải thiện

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
8.2	Đẩy mạnh phân loại chất thải tại nguồn, thu gom, tái sử dụng, tái chế; hạn chế sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy; nhân rộng các mô hình thu gom rác thải nhựa gây quỹ, đổi rác lấy quà, khu dân cư không rác thải nhựa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Công Thương, UBND các xã, phường; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phối hợp	Thường xuyên	Số mô hình được nhân rộng; lượng rác thải nhựa được thu gom, tái chế
8.3	Kiểm soát rác thải nhựa phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt, nhất là chất thải có nguy cơ theo các dòng sông, suối ra khu vực hạ lưu và biển; tăng cường hợp tác với các địa phương trong lưu vực sông về phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm liên tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Chương trình phối hợp liên tỉnh về lưu vực sông được triển khai
8.4	Lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và phát triển kinh tế tuần hoàn vào các quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Nội dung được lồng ghép trong quy hoạch, kế hoạch
8.5	Tiếp tục phát huy kết quả các mô hình bảo vệ môi trường, cam kết giảm chất thải nhựa, tài liệu tuyên truyền và các chuyên mục truyền thông đã triển khai trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các xã, phường; đề nghị Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên phối hợp	Thường xuyên	Số đơn vị ký cam kết; số mô hình, sản phẩm truyền thông

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN
Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về quan điểm,
định hướng sửa đổi Luật Đất đai và các luật có liên quan
(Kèm theo Kế hoạch số 426 /KH-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai					
1.1	Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng, đầy đủ nội dung Nghị quyết số 21-NQ/TW đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân; tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong tổ chức thực hiện	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tư pháp, UBND các xã, phường; đề nghị Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên phối hợp	Thường xuyên	Hội nghị quán triệt, tài liệu tuyên truyền
1.2	Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định về chính sách, pháp luật đất đai; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh từ cơ sở; xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý đất đai làm một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nội vụ, Thanh tra tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Báo cáo kiểm tra; tiêu chí đánh giá được ban hành
1.3	Thực hiện nghiêm việc phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ quản lý đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Số lượng nhiệm vụ rà soát, đánh giá; kế hoạch, kết quả các cuộc kiểm tra, giám sát

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
2. Hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; nâng cao chất lượng quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai					
2.1	Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành, bảo đảm thống nhất với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn; bảo đảm đồng bộ, liên thông, công khai và khả thi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, công khai
2.2	Quản lý chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất; ưu tiên bố trí quỹ đất phục vụ phát triển công nghiệp, đô thị, hạ tầng giao thông, giáo dục, y tế, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và các dự án trọng điểm của tỉnh; tăng cường quản lý quỹ đất công; rà soát, xử lý các cơ sở nhà, đất sử dụng không hiệu quả, để lấn chiếm, bỏ hoang hoặc sử dụng sai mục đích	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Danh mục cơ sở nhà, đất được xử lý; quỹ đất được bố trí theo quy hoạch
2.3	Chủ động tạo lập quỹ đất sạch để thu hút đầu tư; khai thác hiệu quả quỹ đất hai bên các tuyến giao thông, các khu vực có lợi thế phát triển đô thị, dịch vụ và công nghiệp, góp phần tăng nguồn thu ngân sách	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Quỹ đất sạch được tạo lập; nguồn thu từ đất tăng

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
3. Nâng cao chất lượng công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư					
3.1	Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật trong việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng thẩm quyền	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Hồ sơ giao đất, cho thuê đất được công khai theo quy định
3.2	Nâng cao chất lượng công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người dân và nhà đầu tư; chú trọng tạo sinh kế, việc làm và ổn định đời sống của người có đất bị thu hồi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt; người dân ổn định đời sống
3.3	Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các khu tái định cư trước khi thu hồi đất đối với các dự án đủ điều kiện; bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Khu tái định cư được đầu tư đồng bộ
3.4	Tăng cường đối thoại, công khai thông tin trong quá trình thu hồi đất; giải quyết kịp thời kiến nghị, phản ánh của người dân; hạn chế phát sinh khiếu kiện đông người, kéo dài	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh, Sở Tư pháp, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Số vụ khiếu nại, tố cáo về đất đai được giải quyết; giảm khiếu kiện đông người

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
4. Đổi mới công tác xác định giá đất, phát triển quỹ đất và đấu giá quyền sử dụng đất					
4.1	Hoàn thiện cơ chế xác định giá đất theo nguyên tắc thị trường, khách quan, công khai, minh bạch; nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng thẩm định giá đất và các tổ chức tư vấn xác định giá đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với công tác xây dựng bảng giá đất, xác định giá đất cụ thể; Sở Tài chính với vai trò cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định giá đất	Sở Tư pháp, Sở Xây dựng, UBND các xã, phường; đề nghị Thuế tỉnh Thái Nguyên phối hợp	Thường xuyên	Bảng giá đất, giá đất cụ thể được ban hành đúng quy định
4.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất; thường xuyên cập nhật thông tin thị trường để phục vụ công tác định giá, hạn chế tình trạng chênh lệch lớn giữa giá đất và giá giao dịch thực tế	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng; đề nghị Thuế tỉnh Thái Nguyên phối hợp	Thường xuyên	Cơ sở dữ liệu giá đất được vận hành, cập nhật
4.3	Mở rộng hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất theo nguyên tắc cạnh tranh, công khai, minh bạch; phòng ngừa thất thoát tài sản công	Sở Tài chính đối với đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với đấu giá quyền sử dụng đất	Sở Tư pháp, Sở Xây dựng, Công an tỉnh, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Số cuộc đấu giá, đấu thầu được tổ chức; nguồn thu từ đấu giá
4.4	Tăng cường năng lực của tổ chức phát triển quỹ đất; đẩy mạnh tạo lập quỹ đất sạch phục vụ các dự án phát triển kinh tế - xã hội và tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Tổ chức phát triển quỹ đất được kiện toàn; diện tích quỹ đất sạch tăng

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
5. Tăng cường quản lý đất có nguồn gốc nông, lâm trường; đất khoáng sản; xử lý các dự án chậm đưa đất vào sử dụng					
5.1	Rà soát toàn bộ diện tích đất do các công ty nông, lâm nghiệp, các tổ chức quản lý; xử lý dứt điểm tình trạng sử dụng đất không hiệu quả, lấn chiếm, tranh chấp, cho thuê, cho mượn trái quy định	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Danh mục diện tích đất được rà soát, xử lý
5.2	Quản lý chặt chẽ đất có khoáng sản; kiểm soát việc sử dụng đất gắn với khai thác khoáng sản; bảo đảm khai thác tiết kiệm, hiệu quả, gắn với bảo vệ môi trường và phục hồi sau khai thác	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Công an tỉnh, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Kết quả kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản; phương án cải tạo, phục hồi môi trường
5.3	Kiên quyết thu hồi đất đối với các dự án chậm đưa đất vào sử dụng, sử dụng không đúng mục đích hoặc vi phạm pháp luật theo quy định; công khai danh mục các dự án vi phạm và kết quả xử lý	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Danh mục dự án vi phạm và kết quả xử lý được công khai
5.4	Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm	Thanh tra tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Kế hoạch thanh tra hằng năm; kết quả xử lý vi phạm

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
6. <i>Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai</i>					
6.1	Hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, dân cư, thuế và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND các xã, phường; đề nghị Thuế tỉnh Thái Nguyên phối hợp	Thường xuyên	Cơ sở dữ liệu đất đai được vận hành, kết nối liên thông
6.2	Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến; giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính; tăng tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết trên môi trường điện tử; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, viễn thám và hệ thống thông tin địa lý trong quản lý, giám sát biến động đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ đối với nền tảng cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến; thời gian giải quyết thủ tục hành chính được rút ngắn
7. <i>Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, tăng cường thanh tra, kiểm tra, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực</i>					
7.1	Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý đất đai có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, kỹ năng số và tinh thần trách nhiệm cao; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ; xây dựng đội ngũ chuyên gia về định giá đất, quy hoạch, cơ sở dữ liệu và chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường đối với cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý; Sở Nội vụ hướng dẫn, thẩm định	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính; đề nghị Trường Chính trị tỉnh phối hợp	Thường xuyên	Số lượt cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
7.2	Tăng cường thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực có nguy cơ phát sinh tham nhũng, tiêu cực như giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, xác định giá đất, đấu giá quyền sử dụng đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm; kịp thời thay thế cán bộ yếu kém, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm	Thanh tra tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nội vụ, Công an tỉnh, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Kết quả thanh tra, kiểm tra; số cán bộ bị xử lý, thay thế

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

Kết luận số 76-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
(Kèm theo Kế hoạch số 426 /KH-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
1	Xây dựng lộ trình, kế hoạch triển khai các đề án, nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh về hoàn thiện, vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm đồng bộ với chủ trương, chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh chủ trì xây dựng lộ trình, kế hoạch đối với nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý; Sở Nội vụ chủ trì tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hoàn thành trong năm 2026	Lộ trình, kế hoạch được ban hành
2	Rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế; quy chế làm việc, quy chế phối hợp của các cơ quan, đơn vị, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định của Trung ương	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh chủ trì rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản thuộc phạm vi quản lý; Sở Nội vụ chủ trì thẩm định nội dung về tổ chức bộ máy, biên chế và tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Tư pháp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hoàn thành trong tháng 12/2026	Các văn bản được sửa đổi, bổ sung, ban hành

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
3	Rà soát những đơn vị hành chính chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện hoặc phát sinh bất hợp lý trong quá trình vận hành; xây dựng phương án điều chỉnh, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định	Sở Nội vụ	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND các xã, phường	Thực hiện theo yêu cầu, tiến độ của Trung ương	Phương án điều chỉnh được báo cáo cấp có thẩm quyền
4	Rà soát, đề xuất điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và cấp xã; bảo đảm phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, khắc phục chồng chéo, bỏ sót hoặc đùn đẩy trách nhiệm trong thực thi công vụ	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ trì rà soát, đề xuất; Sở Nội vụ chủ trì thẩm định, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Tư pháp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hoàn thành trong năm 2026	Văn bản phân định thẩm quyền được ban hành
5	Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ với việc phân cấp, phân quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã; tiếp tục sắp xếp, tinh gọn các đơn vị sự nghiệp công lập	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì rà soát, xây dựng phương án sắp xếp; Sở Nội vụ chủ trì thẩm định, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Tài chính, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hoàn thành trong năm 2026	Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy được phê duyệt

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
6	Rà soát, phân loại, đẩy nhanh tiến độ thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện; đẩy mạnh xã hội hóa; rà soát, ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung tiêu chí, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá dịch vụ công cơ bản, thiết yếu	Sở Tài chính đối với cơ chế tài chính, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá dịch vụ công; Sở Nội vụ đối với tổ chức bộ máy, biên chế	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Danh mục đơn vị tự chủ; định mức, đơn giá dịch vụ công được ban hành
7	Hoàn thiện mô hình tổ chức trạm y tế cấp xã bảo đảm hoạt động hiệu quả, không chồng chéo nhiệm vụ; bổ sung nhân lực, trang thiết bị, cơ sở vật chất, thuốc thiết yếu; triển khai, cập nhật, kết nối, khai thác phần mềm quản lý dữ liệu sức khỏe cá nhân và sổ sức khỏe điện tử trên VNeID từ cấp xã đến cấp tỉnh	UBND các xã, phường	Sở Y tế, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hoàn thành trong năm 2026	Mô hình trạm y tế cấp xã được hoàn thiện; dữ liệu sức khỏe được kết nối
8	Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên thuộc phạm vi quản lý; chuẩn bị các điều kiện để tiếp nhận, quản lý các cơ sở được chuyển giao về địa phương theo phương án của cấp có thẩm quyền	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Thực hiện theo tiến độ, hướng dẫn của Trung ương	Phương án sắp xếp được phê duyệt

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
9	Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng số đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã; ưu tiên trang thiết bị, đường truyền tại bộ phận một cửa và các địa bàn khó khăn; triển khai, kết nối, khai thác các nền tảng số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và nền tảng dùng chung; thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Công an tỉnh, Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Thường xuyên; hoàn thành các nhiệm vụ theo lộ trình đến năm 2027	Hạ tầng số được đầu tư đồng bộ; dữ liệu bảo đảm “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung”
10	Rà soát các phần mềm, nền tảng đang triển khai trên địa bàn tỉnh; chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, tích hợp dữ liệu; triển khai, kết nối, khai thác hệ thống chỉ đạo, điều hành trên môi trường số, tích hợp đồng bộ dữ liệu không gian đa ngành, bảo đảm không đầu tư trùng lặp	Sở Khoa học và Công nghệ đối với rà soát các phần mềm, nền tảng; chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, tích hợp dữ liệu, bảo đảm không đầu tư trùng lặp; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đối với yêu cầu nghiệp vụ, tổ chức khai thác hệ thống phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Tài chính, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Rà soát hoàn thành trong năm 2026; các nhiệm vụ còn lại thực hiện theo lộ trình đến năm 2027	Danh mục phần mềm, nền tảng được chuẩn hóa; hệ thống chỉ đạo, điều hành số được vận hành

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
11	Tăng cường năng lực bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; hoàn thiện cơ chế, quy trình bảo vệ dữ liệu; nâng cao hiệu quả giám sát, phòng ngừa, phát hiện và xử lý sự cố, bảo đảm an toàn cho các hệ thống thông tin, nền tảng số và cơ sở dữ liệu	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Không để xảy ra sự cố nghiêm trọng về an toàn thông tin
12	Rà soát, thống kê đầy đủ trụ sở, nhà đất, tài sản công dôi dư sau sắp xếp; phân loại rõ tài sản tiếp tục sử dụng, chuyển đổi công năng, thu hồi, điều chuyển, chuyển giao hoặc xử lý theo hình thức khác; khắc phục triệt để tình trạng trụ sở bỏ hoang, sử dụng kém hiệu quả	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nội vụ, UBND các xã, phường	Hoàn thành trong năm 2026	Phương án xử lý tài sản công dôi dư được phê duyệt; không còn trụ sở bỏ hoang
13	Chuẩn bị dữ liệu và các điều kiện cần thiết để tổ chức thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã giao cho các xã, phường và triển khai 02 chỉ tiêu kinh tế tổng hợp cấp xã (tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn cấp xã và thu nhập bình quân đầu người ở cấp xã); rà soát, hoàn thiện theo thẩm quyền cơ chế, định mức, tiêu chí phân bổ ngân sách cho cấp xã, phân cấp quản lý tài sản công, tài sản kết cấu hạ tầng và kết nối liên thông dữ liệu tài chính - ngân sách từ cấp tỉnh đến cấp xã	Sở Tài chính	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các xã, phường; đề nghị Thống kê tỉnh Thái Nguyên phối hợp	Thực hiện theo tiến độ của cấp có thẩm quyền	Bộ chỉ tiêu cấp xã được triển khai; định mức phân bổ ngân sách cho cấp xã được ban hành

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
14	Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ trên cơ sở khai thác, tái sử dụng dữ liệu được kết nối, liên thông giữa các cơ sở dữ liệu chuyên ngành đối với các thủ tục hành chính do địa phương ban hành; tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh chủ trì rà soát, đề xuất phương án đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tư pháp, UBND các xã, phường	Hoàn thành trong năm 2027	Danh mục thủ tục được cắt giảm; phương án đơn giản hóa được phê duyệt
15	Rà soát, ưu tiên bố trí cán bộ, công chức có năng lực, chuyên môn sâu đảm nhiệm các vị trí trọng yếu thuộc khối chính quyền, nhất là các lĩnh vực đất đai, tài chính, tư pháp, công nghệ thông tin, tiếp công dân; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nội bộ, nhất là kỹ năng ứng dụng công nghệ số; chuẩn hóa quy trình, biểu mẫu, thiết lập kênh hướng dẫn nghiệp vụ trực tuyến hỗ trợ cấp xã	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường đối với cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý; Sở Nội vụ hướng dẫn, thẩm định	Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan; đề nghị Trường Chính trị tỉnh phối hợp	Thường xuyên	Cán bộ được bố trí theo vị trí việc làm; kênh hướng dẫn nghiệp vụ trực tuyến được thiết lập

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
16	Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc chỉnh lý, phân loại, số hóa và quản lý tập trung hồ sơ, tài liệu, cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc khối chính quyền sau khi kết thúc hoạt động cấp huyện và sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính cấp xã; ưu tiên số hóa hồ sơ có giá trị, có tần suất sử dụng cao liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của người dân, doanh nghiệp	Sở Nội vụ	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hoàn thành trong năm 2026	Văn bản, các cuộc kiểm tra trực tiếp của Sở Nội vụ; số lượng hồ sơ, tài liệu được bàn giao, số hóa, quản lý tập trung theo thẩm quyền quy định
17	Rà soát toàn diện trụ sở, phòng làm việc, phòng tiếp công dân, bộ phận một cửa, kho lưu trữ, trang thiết bị, đường truyền, chữ ký số, phần mềm chuyên ngành và các điều kiện thiết yếu khác; xây dựng phương án đầu tư, cải tạo, nâng cấp phù hợp với quy mô dân số, diện tích tự nhiên, khối lượng công việc và yêu cầu chuyển đổi số của từng xã, phường	Sở Xây dựng đối với trụ sở, cơ sở vật chất; Sở Tài chính đối với nguồn kinh phí, tài sản công; Sở Khoa học và Công nghệ đối với hạ tầng số	Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND các xã, phường	Hoàn thành trong năm 2026	Phương án đầu tư, cải tạo, nâng cấp được phê duyệt

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
18	Tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý, điều hành của các cơ quan hành chính nhà nước; gắn quyền hạn với trách nhiệm cá nhân, xác định rõ trách nhiệm của người tham mưu, người thẩm định, người quyết định và người tổ chức thực hiện; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản trị, theo dõi, giám sát và lưu vết toàn bộ quá trình xử lý công việc	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường đối với hoạt động của cơ quan, đơn vị, địa phương mình; Sở Khoa học và Công nghệ đối với nền tảng số phục vụ theo dõi, giám sát, lưu vết quá trình xử lý công việc	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Thanh tra tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Quy trình xử lý công việc được lưu vết, truy xuất trên môi trường số
19	Theo dõi, nắm chắc tình hình tư tưởng, dư luận xã hội; chủ động định hướng thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân trong quá trình hoàn thiện, vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Công an tỉnh, Sở Nội vụ, UBND các xã, phường; đề nghị Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên phối hợp	Triển khai ngay sau khi có hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh	Báo cáo tình hình dư luận xã hội; các sản phẩm định hướng thông tin
20	Tăng cường thanh tra, kiểm tra chuyên đề về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện nghiêm các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong công tác cán bộ	Thanh tra tỉnh	Sở Nội vụ, Công an tỉnh, Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra chuyên đề; kết quả xử lý vi phạm

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả
21	Hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát; xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, quy trình thực hiện; thiết lập cơ chế kiểm soát nhiều tầng, giám sát theo dữ liệu, tiến độ, sản phẩm đầu ra và phản ánh của người dân, doanh nghiệp; tăng cường chia sẻ dữ liệu, kết quả thanh tra, kiểm tra, hạn chế chồng chéo; theo dõi, đôn đốc bảo đảm các kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra được thực hiện đầy đủ, kịp thời; thực hiện nghiêm cơ chế hậu kiểm	Thanh tra tỉnh	Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Quy chế phối hợp được ban hành; cơ chế kiểm soát, giám sát được thiết lập và vận hành; tỷ lệ thực hiện kết luận sau thanh tra.
22	Theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện các nhiệm vụ tại Phụ lục này; tổng hợp khó khăn, vướng mắc thuộc lĩnh vực văn thư, lưu trữ, chuyển đổi số trong cơ quan hành chính nhà nước, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo	Sở Nội vụ đối với theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện và tổng hợp khó khăn, vướng mắc thuộc lĩnh vực văn thư, lưu trữ; Sở Khoa học và Công nghệ đối với lĩnh vực chuyển đổi số	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường	Thường xuyên; báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 8 Mục V Kế hoạch này	Báo cáo định kỳ về tiến độ thực hiện